



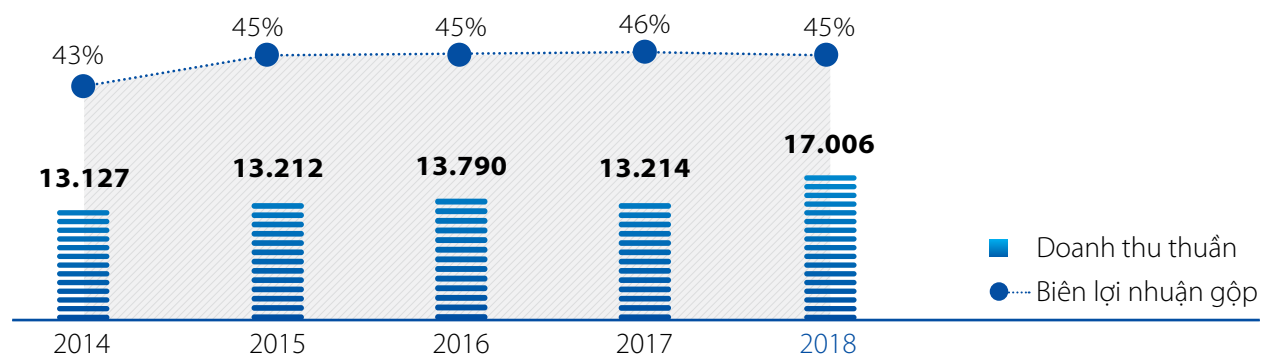
Con đường
Chúng ta đi

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

BẢNG THÀNH TÍCH NĂM 2018



DOANH THU THUẦN (TỶ ĐỒNG) VÀ BIÊN LỢI NHUẬN GỘP (%)



MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	04
CÂU CHUYỆN CỦA MASAN CONSUMER	06
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	40
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	60
THÔNG TIN DOANH NGHIỆP	118

(1) Bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư có lãi khác



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Cộng đồng Masan,

Hàng ngày, chúng ta nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người tiêu dùng Việt Nam.

Đó là con đường chúng ta đi.

Chúng ta sẽ sản xuất và kinh doanh các nhãn hiệu hàng hoá tiêu dùng đạt tiêu chuẩn cao, để dần dần thay thế các nhãn hiệu nước ngoài. Người tiêu dùng Việt Nam sẽ dần dần tin tưởng và yêu mến các nhãn hiệu hàng hoá tiêu dùng chất lượng cao của Việt Nam.

Chúng ta sẽ tập trung vào ngành hàng tiêu dùng lớn, có tốc độ phát triển cao, mà ở đó có các cơ hội lớn để xây dựng nhãn hiệu mạnh hoặc tiết kiệm nguồn lực đầu vào. Mỗi gia đình Việt Nam sẽ sử dụng một sản phẩm của Masan Consumer. Trong tương lai, mỗi người Việt Nam sẽ sử dụng một sản phẩm của Masan Consumer.

Chúng ta sẽ hợp tác khăng khít với các đối tác kinh doanh, đặc biệt là với các đối tác trong hệ thống phân phối để cùng tạo sức mạnh, cùng phát triển bền vững. Các kênh phân phối truyền thống hiện đang và sẽ tiếp tục vững mạnh, sẽ cùng song hành phát triển với các phương thức phân phối hiện đại khác.

Chúng ta sẽ đi sâu vào ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên bộ của thế giới trong việc nghiên cứu và sản xuất sản phẩm. Các sản phẩm của chúng ta có hàm chứa lượng tri thức cao để phục vụ cho cuộc sống. Hàng hoá của chúng ta sẽ hướng đến việc sử dụng

được càng ngày càng nhiều các loại nguyên vật liệu, vật tư trong nước.

Chúng ta sẽ phát triển Công ty với lòng tự hào của người Việt Nam. Masan Consumer sẽ là nơi hội tụ và nuôi dưỡng những khát vọng và tài năng Việt Nam. Thành công của Công ty cũng là thành công của cộng đồng, cũng là thành công của các cổ đông và cũng là thành công của những con người đã trực tiếp làm nên những thành công đó.

Con đường chúng ta đi là một hành trình dài lâu để phụng sự, mang lại hạnh phúc cho người tiêu dùng Việt Nam. Masan Consumer là một tập thể lớn của những con người đầy lòng khát khao và đầy tiềm năng. Cùng nhau, chúng ta sẽ rải những bước dài và thành công trên con đường này.

Trân trọng,

Trương Công Thắng
Chủ tịch HĐQT
Ngày 01/04/2019



CÂU CHUYỆN CỦA MASAN CONSUMER

TRIẾT LÝ KINH DOANH CỦA MASAN CONSUMER LÀ “HÀNG NGÀY, CHÚNG TA NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG VIỆT NAM”. CHÚNG TÔI LUÔN XEM TRIẾT LÝ NÀY LÀ KIM CHỈ NAM CHO MỌI HÀNH ĐỘNG, LUÔN ĐẶT NGƯỜI TIÊU DÙNG LÀM TRỌNG TÂM.



Masan Consumer là một trong những công ty sản xuất thực phẩm và đồ uống hàng đầu Việt Nam. Triết lý kinh doanh của Masan Consumer là **“Hàng ngày, chúng ta nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người tiêu dùng Việt Nam”**. Chúng tôi luôn xem triết lý này là kim chỉ nam cho mọi hành động, luôn đặt người tiêu dùng làm trọng tâm. Từ đó, chúng tôi thực hiện giải pháp sáng tạo đột phá nhằm giải quyết nhu cầu hàng ngày của người tiêu dùng Việt, mang lại các sản phẩm chất lượng, và giá cả hợp lý cho tất cả người tiêu dùng Việt Nam. Chúng tôi tin vào tiềm năng tiêu dùng của Việt Nam, đồng thời các nhu cầu của thị trường ngày càng tăng, phong cách sống và khẩu vị của người tiêu dùng cũng thay đổi. Chính niềm tin này đã theo chúng tôi trong hành trình phụng sự người tiêu dùng từ những ngày chập chững vào thị trường cho đến nay.



Chúng tôi cũng tập trung vào khu vực nông thôn, đó chính là nơi có gần 70% dân số Việt Nam đang sinh sống. Hàng ngày, họ phải chi trả một nửa thu nhập của mình cho các mặt hàng tiêu dùng cơ bản như thịt, thực phẩm và đồ uống, trong khi các sản phẩm mà họ sử dụng chưa chắc đảm bảo chất lượng. Chúng tôi muốn thay đổi thực trạng này và đáp ứng **“các nhu cầu lớn chưa được thỏa mãn”** của người tiêu dùng bằng những sản phẩm đáng tin cậy. Đây cũng là cơ hội lớn cho sự tăng trưởng kinh doanh cũng như tạo ra giá trị dài hạn cho mọi người.

Với bề dày lịch sử và những thành tích đã đạt được, chúng tôi hoàn toàn có thể tự tin về khả năng phụng sự các nhu cầu lớn của người tiêu dùng. Được thành lập từ năm 1996, Masan Consumer đã nhanh chóng giữ vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực thực phẩm và đồ uống tại thị trường nội địa sau khi chuyển mình từ mô hình thuần xuất khẩu. Một trong những cột mốc quan trọng của Masan Consumer là việc

thành lập Công ty Cổ phần Công nghiệp - Thương mại Ma San (“MST”) vào tháng 8/2003, với tổng vốn điều lệ là 28,5 tỷ đồng. Sự kiện này đánh dấu bước tiến mạnh mẽ đầu tiên của Masan vào thị trường nội địa thông qua việc mở rộng năng lực sản xuất và cung cấp hàng hóa cho thị trường trong nước. Đến nay, Masan Consumer đã trở thành một công ty thực phẩm và đồ uống có giá trị vốn hóa thị trường hàng tỷ đô la với danh mục các thương hiệu và sản phẩm đa dạng và đáng tin cậy. Sản phẩm của chúng tôi bao gồm nước tương, nước mắm, tương ớt, mì ăn liền, cháo, xúc xích, cà phê hòa tan, ngũ cốc dinh dưỡng và nước uống đóng chai. Chúng tôi cũng có mạng lưới phân phối rộng khắp Việt Nam, và kết quả là có **98% hộ gia đình Việt Nam có ít nhất một sản phẩm của Masan** (Kantar Worldpanel).

Năm 2018, chúng tôi đã tiếp tục phát triển danh mục sản phẩm của mình theo tiêu chí tốt cho sức khỏe, có nhiều đột phá sáng tạo, sản phẩm chất lượng cao với giá cả hợp lý.

#1

MASAN CONSUMER CÓ
12 NHÃN HIỆU ĐÚNG VỊ TRÍ
SỐ 1 CỦA CÁC NGÀNH
HÀNG TIÊU DÙNG KHÁC NHAU

25%

TỐC ĐỘ PHÁT TRIỂN
TRUNG BÌNH CỦA DOANH THU
TRONG GIAI ĐOẠN 2018-2022
ĐẠT 25%/ NĂM

TOP 3

LÀ 1 TRONG 3 NƠI LÀM VIỆC
ĐƯỢC ƯA THÍCH NHẤT VIỆT NAM
VÀO NĂM 2022

Con đường chúng ta đi



CHIẾN LƯỢC THỰC THI ĐỘT PHÁ

- » Xây dựng các thương hiệu mạnh được người tiêu dùng yêu mến và tin cậy; là các nhãn hiệu được nhắc tới đầu tiên cho mỗi ngành hàng; là các nhãn hiệu dẫn dắt sự thay đổi của ngành hàng;
- » Đưa ra các phát kiến hiệu quả, tung ra các sản phẩm mới, thiết yếu, phù hợp với nhu cầu hàng ngày của người tiêu dùng. Dự kiến trong năm 2019, chúng ta sẽ giới thiệu ra thị trường khoảng 40 phát kiến mới phục vụ người tiêu dùng;
- » Đối với những ngành hàng mà chúng tôi đã dẫn đầu thị trường, chúng tôi khuyến khích người tiêu dùng sản phẩm phân khúc bình dân chuyển sang sử dụng các sản phẩm trung và cao cấp hơn thông qua những sáng kiến đổi mới giúp tăng giá trị sản phẩm;
- » Mạnh mẽ đầu tư về công nghệ và con người để đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới nhằm theo kịp xu thế thị trường, thị hiếu người tiêu dùng - kịp thời giới thiệu những sản phẩm mới đến với mọi tầng lớp người tiêu dùng Việt Nam;
- » Đẩy mạnh bao phủ và sự hiện diện sản phẩm trên toàn quốc thông qua hệ thống bán hàng. Xây dựng hệ thống phân phối của công ty thành biểu tượng sức mạnh hệ thống phân phối hàng tiêu dùng tại Việt Nam;
- » Nêu cao tôn chỉ 3A (Affordability, Availability và Assurance of Quality), nghĩa là Giá cả hợp lý, Tiếp cận được người tiêu dùng mọi lúc mọi nơi và Đảm bảo chất lượng. Thực hiện 2 trong 3 tôn chỉ này thì không quá khó khăn nhưng để thực hiện được cả 3 tôn chỉ này sẽ giúp cho Masan trở nên khác biệt;
- » Đẩy mạnh ngành hàng đồ uống nhằm đạt được mục tiêu doanh thu phân bổ theo tỷ lệ 50% đóng góp từ đồ uống, 50% từ thực phẩm vào năm 2022;
- » Trở thành nhà tuyển dụng hàng đầu và là nơi nuôi dưỡng và phát triển tài năng.



CHIẾN LƯỢC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CHẶT CHẼ

- » Chiến lược "Làm ít hơn nhưng phải lớn hơn", nhằm tập trung vào một số các cơ hội đầu tư giúp cải thiện cuộc sống của nhiều người và bảo toàn nguồn lực nhằm đầu tư dài hạn.
- » Tập trung vào các cơ hội đầu tư có thể mang lại biên lợi nhuận gộp 30%+, tạo điều kiện cho chúng tôi xây dựng thương hiệu mạnh và tạo ra những sản phẩm đột phá mang lại giá trị cho người tiêu dùng.
- » Chiến lược tập trung tối ưu nguồn lực tài chính vào đầu tư xây dựng thương hiệu để mang lại giá trị lâu dài cho doanh nghiệp.
- » Áp dụng mô hình "giao hàng thu tiền ngay", cho phép chúng tôi tối ưu hóa vị thế vốn lưu động và hỗ trợ tăng trưởng.

XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU MẠNH

CHÚNG TÔI TỰ HÀO KHI CÓ THỂ CHUYỂN ĐỔI CÁC SẢN PHẨM TRƯỚC ĐÂY VỐN ĐƯỢC XEM LÀ HÀNG HÓA THÔNG THƯỜNG TRỞ THÀNH NHỮNG THƯƠNG HIỆU MẠNH, GIÀNH ĐƯỢC SỰ TIN YÊU CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG Ở CÁC PHÂN KHÚC KHÁC NHAU VÀ ĐÁP ỨNG ĐƯỢC NHU CẦU ĐA DẠNG CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG VIỆT NAM.

Chúng tôi đã chuyển đổi nền tảng thực phẩm và đồ uống để trở thành công ty dẫn đầu thị trường trong các lĩnh vực hoạt động với các thương hiệu mạnh. Chúng tôi chọn cách tự phát triển hoặc mua lại các thương hiệu mạnh được khách hàng tin dùng, điều này nhất quán với chiến lược tập trung phục vụ các nhu cầu cơ bản hàng ngày của người tiêu dùng của chúng tôi. Nhờ đó, các sản phẩm gia vị và cà phê của chúng tôi đều là những sản phẩm dẫn đầu các thị trường. Trong ngành hàng mì ăn liền, chúng tôi chiếm vị trí số một trong phân khúc cao cấp.

Chúng tôi đã phát triển các thương hiệu mạnh bằng sự thấu hiểu sâu sắc người tiêu dùng Việt Nam, kết hợp với việc tiếp thu các mô hình hoạt động của các tập đoàn đa quốc gia, từ

đó tạo nên các sản phẩm không có đối thủ. Trong thị trường mà giá cả là nhân tố chi phối hành vi tiêu dùng, chúng tôi tự hào khi có thể chuyển đổi các sản phẩm trước đây vốn được xem là hàng hóa thông thường, thành những thương hiệu mạnh, giành được sự tin yêu của người tiêu dùng ở các phân khúc khác nhau và đáp ứng được nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng Việt Nam.

Các thương hiệu chủ chốt của Masan Consumer gồm Chin-Su, Nam Ngư, Tam Thái Tử, Omachi, Kokomi, Komi, Heo Cao Bồi, Vinacafé, Phil Café, Wake-Up, Wake-Up 247, Vĩnh Hào, Vivant, Lemona, Quang Hanh và Faith, trong đó có nhiều thương hiệu nhiều năm liền được bình chọn là nhân hàng phát triển nhanh nhất và được nhiều người tiêu dùng Việt tin dùng nhất.

8 thương hiệu có doanh thu hơn 500 tỷ đồng trong năm 2018



Công ty liên kết của chúng tôi, Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex, được chúng tôi mua lại tỷ lệ cổ phần đáng kể vào cuối năm 2014, cũng có các thương hiệu nước chấm và gia vị nổi tiếng với sự hiện diện mạnh mẽ tại các kênh hàng quán. Nhìn chung, nhiều thương hiệu của chúng tôi là những mặt hàng bán chạy nhất trong các ngành hàng tương ứng.

Trong năm 2018, Masan Consumer tự hào đứng đầu "Top 10 Công ty thực phẩm uy tín" theo Vietnam Report. Ngoài ra, Masan Consumer tiếp tục nằm trong Top 3 Nhà sản xuất sở hữu các thương hiệu được chọn mua nhiều nhất ở cả Thành thị và Nông thôn Việt Nam trong suốt 6 năm qua, theo Bảng xếp hạng Brand Footprint của Kantar Worldpanel 2018.

Mảng kinh doanh cà phê của chúng tôi cũng giành được giải thưởng với Vinacafé Biên Hòa vinh hạnh là công ty có sản phẩm đạt "Thương hiệu quốc gia giai đoạn 2018-2020" do Hội Đồng Thương Hiệu Quốc Gia - Bộ Công Thương chứng nhận. Vinacafé Biên Hòa cũng đạt danh hiệu "Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao - Chuẩn Hội Nhập" và giải thưởng "Hàng Việt Nam chất lượng cao" lần thứ 22 liên tiếp của Hội Doanh Nghiệp Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao. Ngoài ra, thương hiệu nước khoáng đóng chai Vĩnh Hào của chúng tôi, với di sản từ năm 1928 cũng nhận được giải thưởng "Hàng Việt Nam chất lượng cao" lần thứ 22 liên tiếp từ Hội Doanh Nghiệp Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao.



SÁNG TẠO ĐỘT PHÁ - CHINH PHỤC ĐỈNH CAO

TRONG NĂM 2018, ĐỘI NGŨ NGHIÊN CỨU & PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM (R&D) CỦA MASAN ĐÃ CHO RA ĐỜI HƠN 30 SẢN PHẨM MỚI TRONG ĐÓ HƠN 10 SẢN PHẨM MANG TÍNH ĐỘT PHÁ.



Các thương hiệu của chúng tôi luôn gắn liền với các phát kiến mang đến giá trị thực tế cho người tiêu dùng. Mặc dù chúng tôi đang dẫn đầu phát kiến tại Việt Nam trong các ngành hàng hiện tại, chúng tôi vẫn đặt mục tiêu trở thành tổ chức Nghiên cứu và Phát triển (R&D) dẫn đầu Châu Á những năm tới về năng lực cạnh tranh vượt trội trong việc tạo ra các sản phẩm thực phẩm và thức uống ngon, an toàn, giá cả hợp lý. Trong năm 2018, đội ngũ Nghiên cứu & Phát triển sản phẩm (R&D) của Masan đã cho ra đời hơn 30 sản phẩm mới trong đó hơn 10 sản phẩm mang tính đột phá, để lại những dấu ấn mạnh mẽ trong lòng người tiêu dùng Việt Nam.

Được xem là cuộc cách mạng giúp mang đến bữa ăn ngon, đủ chất với dinh dưỡng từ thịt - Mi Omachi Business Class hay sản phẩm khoai tây nghiền Omachi lần đầu tiên có mặt tại Việt Nam, cùng với xúc xích thương hiệu Pönnie với hàm lượng thịt 88% cho hương vị thơm ngon, giàu chất dinh dưỡng chính là những sáng tạo đột

phá cho ngành thực phẩm tiện lợi của Masan Consumer trong năm 2018.

Thương hiệu Vinacafé trong năm qua cũng tạo được đột phá mới với Vinacafé rang xay, Phil-2 trong 1 - cải tiến và bữa sáng bổ dưỡng với ngũ cốc B'fast yến mạch. Sản phẩm Wake-Up 247 của ngành hàng nước giải khát đã đánh dấu cột mốc tăng trưởng mạnh mẽ nhờ sản phẩm không những đáp ứng nhu cầu tỉnh táo và sáng khoái, mà còn rất ngon và khác biệt, tạo nền tảng tăng trưởng và mở ra cơ hội tiến xa trong phân khúc nước uống tăng lực. Nước khoáng Vivant và nước tăng lực Compact là những nhân tố mới tiềm năng sẽ tiếp nối Wake-Up 247 để khẳng định vị thế mới của Masan trong ngành hàng đồ uống.

Masan luôn là công ty tiên phong trong ngành hàng gia vị vốn là phần cốt lõi của ẩm thực Việt Nam và cũng là ngành hàng mà công ty đang phục vụ đồng



đào người tiêu dùng Việt Nam. Năm 2018, chúng tôi đã tung ra nước mắm Nam Ngư nhãn vàng và Đệ nhị nhãn vàng, nâng cấp chất lượng sản phẩm nhưng vẫn giữ giá cả hợp lý. Trong dòng sản phẩm Chin-Su, chúng tôi giới thiệu sản phẩm dầu hào tỏi ớt Chin-Su dùng để chế biến các món xào hay ướp gia vị cho các món ăn thêm thơm ngon. Chúng tôi cũng tung ra sản phẩm tương ớt xay nhuyễn Chin-Su cay ngon bùng vị cho các món nước. Bên cạnh nhãn hiệu Chin-Su, nước tương Tam Thái Tử Thượng hạng mới cũng đã củng cố vị thế dẫn đầu của Masan trong ngành hàng nước tương.

Từ việc nắm bắt đón đầu những xu hướng tiêu dùng mới đến việc tiếp tục nghiên cứu không ngừng các công nghệ sản xuất tiên tiến được ứng dụng trên thế giới, trong năm 2018 bộ phận nghiên cứu và phát triển đã thực hiện thành công 4 chương trình "Innosense" - chương trình nội bộ giới thiệu các ý tưởng sản phẩm mới

sẽ ra mắt thị trường trong tương lai theo mục tiêu dài hạn của công ty - với chủ đề "Enrich the cuisine world" của ngành hàng gia vị, "The wonderland of beverage" của ngành hàng đồ uống, "Infuse the freshness to convenient foods" của ngành hàng thực phẩm tiện lợi và bước chuyển mình của việc phát triển bao bì với chủ đề "New turn of the pack-rubik". Những ý tưởng mang tính đột phá và tiềm năng đã được lựa chọn để trở thành các phát kiến mới và được đưa ra vào quý 4 năm 2018 và tiếp tục sẽ ra mắt thị trường trong năm 2019 cùng nhiều hứa hẹn thành công.



MASAN CONSUMER VẬN HÀNH MỘT TRONG NHỮNG MẠNG LƯỚI PHÂN PHỐI THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG LỚN NHẤT TẠI VIỆT NAM.

3.000

NHÂN VIÊN BÁN HÀNG

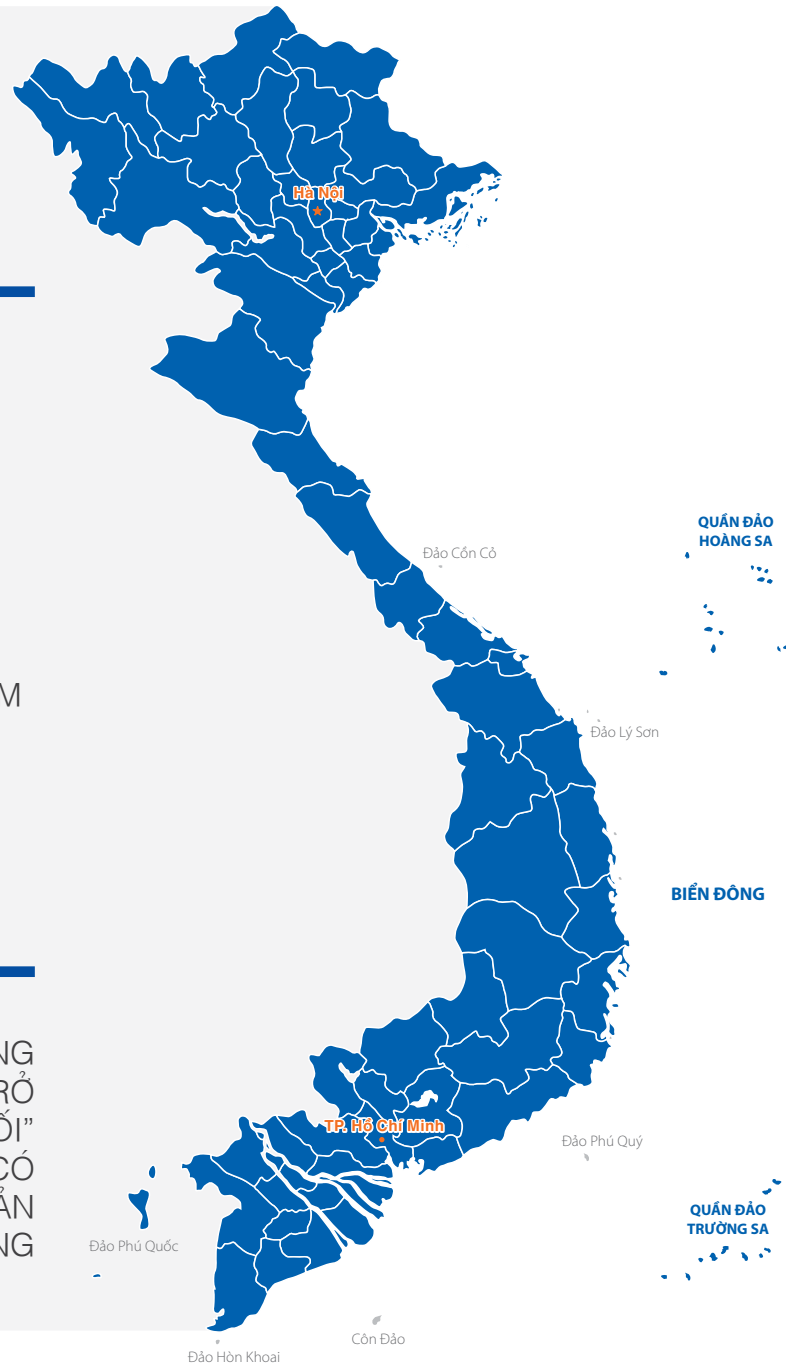
180.000

ĐIỂM BÁN LẺ SẢN PHẨM THỰC PHẨM

160.000

ĐIỂM BÁN LẺ SẢN PHẨM ĐỒ UỐNG

VỚI DANH MỤC SẢN PHẨM ĐA DẠNG VÀ PHONG PHÚ, CHÚNG TÔI TRỞ THÀNH GIẢI PHÁP “MỘT ĐẦU MỐI” CHO 300 NHÀ PHÂN PHỐI KHI CÓ THỂ ĐÁP ỨNG CÁC NHU CẦU CƠ BẢN HÀNG NGÀY CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG VIỆT NAM.



HIỆN DIỆN MUÔN NƠI CHO TẤT CẢ MỌI NGƯỜI

Masan Consumer vận hành một trong những mạng lưới phân phối thực phẩm và đồ uống lớn nhất tại Việt Nam. Điều này mang lại lợi thế cạnh tranh đáng kể, như khả năng cung cấp hàng hóa cho người tiêu dùng một cách hiệu quả trong khi giảm được chi phí vận chuyển. Điều này rất quan trọng vì gần 70% dân số Việt Nam hiện sinh sống ở vùng nông thôn và ngành bán lẻ vẫn phụ thuộc chủ yếu vào kênh bán hàng truyền thống. Các kênh bán hàng hiện đại vẫn đang phát triển chậm và tình hình chung của ngành bán lẻ vẫn trong tình trạng phân tán.

Sau khi gia nhập ngành hàng đồ uống, chúng tôi đã tích hợp hệ thống phân phối của Vinh Hảo và Vinacafé Biên Hòa vào hệ thống phân phối rộng lớn hơn của chúng tôi. Trong quá trình tích hợp, chúng tôi phát triển đội ngũ bán hàng chuyên

biệt dành cho ngành hàng đồ uống, nhờ vậy, chúng tôi có thể tung sản phẩm mới ra thị trường một cách hiệu quả hơn, đồng thời giải quyết được các vấn đề phân phối đặc thù của mảng kinh doanh đồ uống.

Masan Consumer hiện là một trong số ít các công ty ở Việt Nam sở hữu hệ thống phân phối cho cả ngành thực phẩm lẫn đồ uống. Chúng tôi đã phát triển các điểm bán lẻ lên đến gần 180.000 cho sản phẩm thực phẩm và 160.000 cho sản phẩm đồ uống với gần 3.000 nhân viên bán hàng. Mạng lưới rộng lớn này cho thấy sức mạnh của mạng lưới phân phối của chúng tôi ở vùng nông thôn, nơi chúng tôi có chiến lược bao phủ và tiếp cận thị trường mạnh mẽ nhất, và đồng thời giúp chúng tôi có được tốc độ tiếp cận thị trường nhanh hơn khi tung ra các sản phẩm mới và các chương trình khuyến mãi.

Với danh mục sản phẩm đa dạng và phong phú, chúng tôi trở thành giải pháp “một đầu mối” cho khoảng 300 nhà phân phối khi có thể đáp ứng các nhu cầu cơ bản hàng ngày của người tiêu dùng Việt Nam, cho phép chúng tôi xây dựng mối quan hệ lâu dài và thân thiết với các nhà phân phối. Hơn nữa, 8 trung tâm phân phối của chúng tôi được đặt ở những địa điểm chiến lược có khả năng phân phối các sản phẩm thực phẩm và đồ uống trong ngày đến từng nhà phân phối trên toàn quốc. Điều này cũng mang lại cho chúng tôi khả năng độc đáo trong việc thử nghiệm các sản phẩm mới một cách hiệu quả và tiết kiệm chi phí trên khắp Việt Nam.





NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐẲNG CẤP THẾ GIỚI

MASAN LUÔN LUÔN HƯỚNG TỚI VIỆC XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG NHÀ MÁY ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHUẨN NGHIÊM NGẶT VỀ VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM.



Chúng tôi tin rằng chất lượng sản phẩm và dịch vụ đóng vai trò rất quan trọng trong việc phát triển thương hiệu và thu hút người tiêu dùng. Niềm tin này thúc đẩy Masan Consumer không ngừng nghiên cứu, đầu tư và áp dụng các công nghệ và thiết bị hiện đại, tiên tiến để đáp ứng nhu cầu sản xuất, duy trì lợi thế cạnh tranh đồng thời cung ứng những sản phẩm có chất lượng vượt trội cho người tiêu dùng Việt Nam.

Chúng tôi hiện đang vận hành tổng cộng 13 nhà máy sản xuất ở các địa điểm chiến lược tại 10 tỉnh thành trên cả nước, gồm Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Phú Quốc, Hậu Giang, Bình Thuận, Ninh Thuận,

Nghệ An, Hải Dương, Quảng Ninh. Những nhà máy này được xây dựng gần các trung tâm dân cư đã giúp chúng tôi thiết lập mạng lưới sản xuất và cung ứng sản phẩm kịp thời với thời gian nhanh nhất, chi phí rẻ nhất tới tay người tiêu dùng mà vẫn đáp ứng được tiêu chuẩn cao nhất về chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

Nối tiếp thành công của dây chuyền sản xuất sệt sệt đầu tiên, năm 2018 Masan Consumer tiếp tục đầu tư thêm một dây chuyền sản xuất sệt sệt thứ 2 tại nhà máy Bình Dương để nâng gấp đôi công suất chế biến và đóng gói nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

Với dây chuyền mới, Masan tiếp tục tin tưởng lựa chọn các nhà chế tạo thiết bị hàng đầu Châu Âu trong ngành máy móc và thiết bị thực phẩm với dây chuyền chế biến đồng bộ của Đức và dây chuyền chiết rót khép kín từ thổi chai, chiết sản phẩm, đóng nắp, dán nhãn, đóng thùng của Ý.

Để đáp ứng được cam kết 100% sản phẩm an toàn, đúng chất lượng, toàn bộ dây chuyền được thiết kế đồng bộ, tự động từ khâu Nhập liệu - Sơ chế - Chế biến tới khâu đóng gói thành phẩm nhằm loại bỏ hoàn toàn tác động không mong muốn từ con người tới chất lượng sản phẩm. Cũng trong năm 2018, Masan đã mạnh

dạn đầu tư và đưa vào vận hành dây chuyền sản xuất sệt sệt không qua gia nhiệt với tổng công suất 12.000 tấn/năm. Toàn bộ dây chuyền được thiết kế, chế tạo và sản xuất tại Châu Âu. Đây là một ngành hàng hứa hẹn tăng trưởng đột phá trong tương lai khi nhu cầu ẩm thực của người tiêu dùng Việt Nam ngày càng hướng tới chuẩn xanh, sạch và tươi.

Trong ngành hàng tiện lợi, năm 2018 Masan Consumer đã nghiên cứu và đầu tư thành công việc tự động hóa khâu nhập liệu và đóng gói thành phẩm trên dây chuyền mì ăn liền, đồng thời cũng đưa thêm một dây chuyền đóng gói mì ly vào sản xuất. Thành công này là tiền đề

để Masan Consumer tiếp tục hướng tới việc áp dụng cho tất cả các dây chuyền còn lại trong toàn Masan nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và an toàn thực phẩm.

Song song với việc đầu tư dây chuyền thiết bị hiện đại, Masan luôn luôn hướng tới việc xây dựng cơ sở hạ tầng nhà máy đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về vệ sinh an toàn thực phẩm. Các nhà máy của chúng tôi đã đạt các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm gồm GMP và HACCP (Thực hành sản xuất tốt và kiểm soát mối nguy an toàn thực phẩm), ISO 9001 và ISO 22000 (Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm), và OHSAS 18001 (Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe người lao động).



ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ “ĐẶT NGƯỜI TIÊU DÙNG LÀM TRỌNG TÂM”



CHÚNG TÔI TIN RẰNG
TÀI SẢN QUÝ GIÁ NHẤT
CHÍNH LÀ CON NGƯỜI.

Masan Consumer được lãnh đạo bởi các chuyên gia tài năng trong và ngoài nước, đã từng có thành tích trong việc xây dựng nền tảng kinh doanh bền vững và các thương hiệu mang tính biểu tượng tại các thị trường mới nổi. Nhiều lãnh đạo của chúng tôi cũng đồng thời là các cổ đông ủng hộ văn hóa doanh nhân với tinh thần “nói được làm được”. Để tiếp tục phát huy những thành tích đã đạt được, Masan nỗ lực hết mình để trở thành nơi làm việc được yêu thích nhất Việt Nam, xây dựng văn hóa đam mê phụng sự người tiêu dùng và đặt người tiêu dùng làm trọng tâm.

Chúng tôi tin rằng tài sản quý giá nhất chính là con người. Chúng tôi cam kết đảm bảo chất lượng cuộc sống cho toàn thể nhân viên được thể hiện qua các chính sách lương, thưởng và phúc lợi xứng đáng. Chúng tôi tự hào là một trong những nơi làm việc tốt nhất Việt Nam, có tầm nhìn dài hạn nhằm thu hút những tài năng và là nơi làm việc khiến mọi nhân viên cảm thấy tự hào. Sứ mệnh của chúng tôi không chỉ là cải thiện cuộc sống của người tiêu dùng mà còn xây dựng và phát triển thể hệ doanh nhân lãnh đạo tiếp theo. Để làm được điều này, Bộ phận Nhân sự của chúng tôi tập trung vào bốn lĩnh vực:



Xây dựng đội ngũ nhân sự mạnh và chuyên nghiệp nhằm phục vụ cho sự phát triển của Công ty tại thời điểm hiện tại và trong tương lai;



Xây dựng chiến lược khen thưởng, đảm bảo sự nhất quán giữa mức thưởng với thành tích làm việc và cơ hội phát triển lâu dài. Chúng tôi muốn mọi nhân viên đóng góp vào thành công của Công ty sẽ nhận được thành quả tài chính tương xứng. Đó là lý do tại sao chúng tôi cam kết tạo mọi cơ hội cho mỗi cá nhân có điều kiện được đầu tư cho tương lai của mình;



Xây dựng Hệ thống Quản trị Nhân sự đơn giản, dễ sử dụng và mang lại hiệu quả cao. Thông qua đó giúp nhân viên có thể tối ưu hóa năng lực và tiềm năng cá nhân, tập trung cho các hoạt động phát triển Công ty;



Xây dựng văn hóa chiến thắng để các nhân tài có thể cùng nhau thành công khi phát triển năng lực lãnh đạo cũng như tinh thần chiến thắng.





MASAN CONSUMER CAM KẾT TRỞ THÀNH NƠI LÀM VIỆC MÀ CÁC TÀI NĂNG LUÔN ĐƯỢC NỒNG NHIỆT CHÀO ĐÓN VÀ TẠO ĐIỀU KIỆN ĐỂ PHÁT HUY TỐI ĐA TIỀM NĂNG CỦA MÌNH.

Trong năm 2018, Bộ phận Nhân sự đã đạt được những bước tiến sau:

- 1** Hoàn thiện và đạt kết quả tốt với mô hình “HR chuyên môn” và “HR phụ trách riêng cho từng bộ phận phòng ban” và đội ngũ nhân sự thực sự hiểu biết và chia sẻ cùng với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- 2** Áp dụng hiệu quả quy trình “Đánh giá hiệu quả công việc” đồng nhất trong tất cả các phòng ban và công ty thành viên. Đã có 4.418 nhân viên trong toàn Công ty tham gia hoạt động “Đánh giá hiệu quả công việc” trong năm 2018 vừa qua;
- 3** Tiếp tục tiến hành các hoạt động thu hút nhân tài từ bên ngoài tạo cơ hội việc làm cho người lao động; trong đó nổi bật có 40 nhân sự ở cấp quản lý từ các doanh nghiệp nổi tiếng khác trong thị trường (kể cả đa quốc gia và trong nước). Bên cạnh đó, chương trình “Doanh nhân trẻ Masan” tiếp tục được duy trì bằng việc tuyển dụng 12 nhân viên trẻ, có tiềm năng cao để đào tạo và phát triển cho đội ngũ lãnh đạo trong tương lai;
- 4** Tiến hành việc đánh giá đội ngũ nhân viên và tìm ra hơn 110 nhân tài nội bộ. Công ty đã thiết kế chương trình đào tạo, phát triển và nuôi dưỡng đội ngũ nhân tài này theo mô hình 70-20-10 để đảm bảo việc đào tạo đội ngũ kế cận và kế hoạch kế thừa cho các vị trí trọng yếu; Việc áp dụng mô hình trên đã tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên ngoài việc được trang bị các kỹ năng chuyên môn, còn được chia sẻ kinh nghiệm từ các quản lý trực tiếp cũng như cọ xát trên thực tế công việc. Trong năm 2018, đã có 255 nhân viên được đề bạt đáp ứng các yêu cầu công việc đặt ra.
- 5** Với chương trình “Kết nối với các trường Đại học”, chúng tôi sử dụng hiệu quả chi phí quảng bá tuyển dụng, đánh giá được khả năng, năng lực, phẩm chất của sinh viên. Từ đó, Masan có thêm cơ hội quảng bá thương hiệu, hình ảnh và sớm tiếp nhận những thông tin về khoa học, công nghệ để có thể đặt hàng các đề tài nghiên cứu khoa học có chất lượng và thiết thực từ nhà trường nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm. Trong năm 2018, chúng tôi đã mở rộng quan hệ hợp tác chiến lược với 11 trường Đại học danh tiếng của Việt Nam. Trong đó, có 8 hoạt động được liên kết tổ chức với các trường Đại học;



- 6** Mong muốn góp phần đào tạo và phát triển thế hệ lãnh đạo trẻ của Việt Nam trong tương lai. Masan đã tổ chức 4 buổi “Career Talk - Định hướng nghề nghiệp” dành cho các sinh viên năm cuối đại học ngay tại trụ sở Công ty. Trong chương trình các quản lý cấp cao của Công ty theo từng phòng ban với những chủ đề khác nhau đã chia sẻ, định hướng cho hơn 400 lượt sinh viên về những kiến thức chuyên môn và cả những trải nghiệm từ thực tế làm việc trong một môi trường năng động và phát triển như Masan;
- 7** Năm 2018, chúng tôi tổ chức 148 khóa huấn luyện chuyên biệt với giáo trình được biên soạn gắn liền với thực tiễn và nhu cầu kinh doanh của Masan. Đã có gần 4.355 lượt học viên là lãnh đạo cao cấp, nhân tài và nhân viên thuộc tất cả các công ty trực thuộc Masan Consumer tham dự. Ngoài ra, Công ty đã tổ chức 26 buổi hội thảo chia sẻ kinh nghiệm để cập đến kiến thức tổng quát, kỹ năng chuyên môn và ngoại ngữ.
Masan Consumer cam kết trở thành nơi làm việc mà các tài năng luôn được nồng nhiệt chào đón và tạo điều kiện để phát huy tối đa tiềm năng của mình. Từ đó, Masan Consumer sẽ đạt được mục tiêu lâu dài một cách bền vững.

CAM KẾT CỦA CHÚNG TÔI LÀ HÀNG NGÀY, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG VIỆT VỚI CÁC SẢN PHẨM GIÁ CẢ HỢP LÝ VÀ CÓ MẶT TẠI MỌI NƠI.

Masan Consumer là một trong những doanh nghiệp FMCG hàng đầu tại Việt Nam. Cam kết của chúng tôi là hàng ngày, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người tiêu dùng Việt với các sản phẩm giá cả hợp lý và có mặt tại mọi nơi. Trên tinh thần đó, chúng tôi đã phấn đấu để trở thành một doanh nghiệp phát triển bền vững với mục tiêu đảm bảo các đối tác đều nhận được lợi ích từ hoạt động kinh doanh của chúng tôi. Cũng như đối với các công ty khác của Tập đoàn Masan, công ty mẹ của chúng tôi, Masan Consumer cũng xác định phát triển bền vững là một phần không thể thiếu trong chiến lược của chúng tôi. Chúng tôi không những mang đến những nhu yếu phẩm mang lại giá trị cho người tiêu dùng mà còn đóng góp vào việc phát triển xã hội và bảo tồn môi trường.



SẢN PHẨM ĐỘT PHÁ

Chúng tôi tin “doing well by doing good” chính là tôn chỉ thúc đẩy những con người có chung niềm tin theo đuổi sứ mệnh của mình. Tại Masan, “doing good” không chỉ đơn thuần là làm tròn trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR), mà là trách nhiệm của chúng tôi nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người Việt thông qua các sản phẩm và sáng kiến độc đáo.

Chúng tôi thường trăn trở: làm sao để người Việt chỉ phải trả một giá phải chăng cho những nhu cầu thiết yếu hàng ngày? Làm sao trẻ em vùng nông thôn được thưởng thức những sản phẩm tiện lợi đầy đủ dinh dưỡng như bạn bè trang lứa nơi thành thị? Làm sao để thu hẹp khoảng cách về năng suất và chất lượng sản phẩm của Việt Nam với thế giới?

Để tìm lời giải đáp cho những câu hỏi đó, chúng tôi đã không ngừng thách thức bản thân để mang đến những gì tốt nhất cho người tiêu dùng thông qua các sản phẩm đột phá thành công trên thị trường. Chúng tôi phát triển sản phẩm với quy mô lớn để mang lại giá thành hợp lý cho người tiêu dùng trong tất cả mọi phân khúc sản phẩm và đầu tư mạnh mẽ cho công nghệ mới.

Vui lòng xem thêm phần “**Sáng tạo đột phá - Chinh phục đỉnh cao**” trang 14 để có thêm thông tin chi tiết.



QUẢN TRỊ THU MUA

Nguyên liệu sản xuất chính của chúng tôi là những nguyên liệu thực phẩm và bao bì đóng gói. Các nguyên liệu chính được sử dụng trong sản xuất của chúng tôi bao gồm bột mì, dầu ăn, cà phê, đường, nước mắm cốt, cá cơm, thịt tươi, rau củ quả tươi, rau củ sấy khô, đậu nành, nước khoáng, các hương liệu và các loại gia vị khác nhau. Ngoài ra, các vật liệu đóng gói như chai nhựa, thủy tinh, thùng carton, nhãn giấy, tô/cốc giấy, túi nhựa cũng là các thành phần quan trọng trong chi phí sản xuất sản phẩm của chúng tôi.

Chi phí nguyên liệu nhập khẩu và nguyên liệu có nguồn gốc nhập khẩu trong những năm qua chiếm khoảng 70% tổng chi phí nguyên vật liệu được sử dụng. Nhằm đảm bảo truy xuất nguồn gốc nguyên liệu, chúng tôi có đầy đủ giấy chứng nhận xuất xứ, phân tích, kiểm dịch nguyên liệu có nguồn gốc từ thực vật không biến đổi gen; các nhà cung cấp trong nước cần có hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm dịch động vật và các phương pháp canh tác nông nghiệp tốt. Các nhà cung cấp đạt chất lượng trong thời gian dài sẽ được đánh giá là “nhà cung cấp đã được phê duyệt” và sẽ được cam kết hợp tác theo hợp đồng hàng năm.

Chúng tôi tin rằng chúng tôi có một hệ thống các đối tác, nhà cung cấp đa dạng đảm bảo cho chúng tôi không phụ thuộc vào bất kỳ một nhà cung cấp cho bất kỳ nguyên liệu nào. Chất lượng và nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào ổn định là yếu tố bắt buộc để chúng tôi có thể mang đến các sản phẩm có chất lượng cao nhất cho người tiêu dùng. Đây là một thách thức và cũng là trách nhiệm của Công ty và chúng tôi chỉ có thể đạt được kết quả tốt nhất khi tạo được mối quan hệ lâu dài với các nhà cung cấp theo nguyên tắc “cùng nhau chiến thắng” (“win-win”).



AN TOÀN LAO ĐỘNG

Nhân viên là tài sản quý giá nhất của chúng tôi. Chúng tôi cam kết đảm bảo chất lượng cuộc sống cho toàn thể nhân viên được thể hiện qua các chính sách an toàn lao động hiệu quả. Chúng tôi chịu trách nhiệm cung cấp cho nhân viên các thiết bị bảo hộ lao động, các biện pháp giữ an toàn và vệ sinh môi trường tốt để làm việc. Chúng tôi cũng thường xuyên thực hiện huấn luyện đội ngũ nhân viên về các hành vi phù hợp an toàn lao động cho bản thân và cho người khác, và áp dụng kiến thức này trong cuộc sống hàng ngày.

Trong năm 2018, chúng tôi đã tổ chức 55.748 giờ huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, PCCC, sơ cấp cứu... cho hơn 4.699 lượt nhân viên. Bên cạnh huấn luyện nâng cao tri thức, các nhà máy của chúng tôi đã cải tiến nâng cấp thiết bị truyền động làm giảm tối đa nguy cơ mất an toàn cho tất cả các nhân viên. Các nhà máy của chúng tôi đạt các tiêu chuẩn về sản xuất HACCP, ISO 9001 (Hệ thống quản lý chất lượng), ISO 22000 (Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm) và OHSAS 18001 (Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe người lao động).



NHỮNG THÀNH TỰU CỦA MASAN ĐỀU ĐƯỢC TẠO NÊN TỪ TÀI SẢN QUÝ GIÁ NHẤT CỦA CÔNG TY - NGUỒN NHÂN LỰC. VÌ LẼ ĐÓ, CHÚNG TÔI CAM KẾT THU HÚT VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN TÀI, ĐỒNG THỜI ĐÀO TẠO VÀ TRUYỀN CẢM HỨNG ĐỂ TẤT CẢ NHÂN VIÊN CẢM THẤY TỰ HÀO KHI LÀ MỘT THÀNH VIÊN CỦA CỘNG ĐỒNG MASAN.

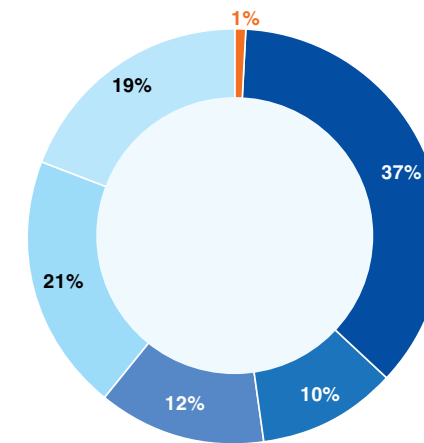
Chúng tôi tạo ra một môi trường làm việc công bằng và bình đẳng để duy trì một văn hóa công ty thúc đẩy thành công. Với mục tiêu đó, chúng tôi tự hào trở thành một trong những nơi làm việc tốt nhất Việt Nam. Mục tiêu nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người Việt Nam, bên cạnh sứ mệnh phụng sự người tiêu dùng, còn hướng đến những nhân viên nội bộ của chúng tôi. Chúng tôi tạo ra môi trường lao động hấp dẫn, tạo cơ hội

việc làm, đóng góp vào sự phát triển chung về an sinh xã hội tại các địa phương nói riêng và cả nước nói chung.

Tính đến hết ngày 31/12/2018, Masan Consumer có 4.418 cán bộ công nhân viên, gồm 2.774 nam (63%) và 1.644 nữ (37%) và đội ngũ này được đào tạo bài bản và có trình độ chuyên môn cao.



Tình hình nhân sự của Masan Consumer phân theo trình độ như sau:



Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ
Trên Đại học	47	1%
Đại học	1.641	37%
Cao đẳng	526	12%
Trung cấp	439	10%
PTTH	922	21%
PTCS	843	19%

Ghi chú: Tỷ lệ nhân viên có trình độ học vấn từ Trung cấp trở xuống phần lớn bao gồm lao động trực tiếp của các nhà máy, kho hàng, lái xe, tạp vụ.

Hiện tại, chúng tôi có 13 nhà máy tại 10 tỉnh thành trên cả nước, bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh, Phú Quốc, Bình Dương, Đồng Nai, Bình Thuận, Ninh Thuận, Nghệ An, Hải Dương, Hậu Giang và Quảng Ninh. Nhằm tạo điều kiện phát triển cho địa phương, chính sách nhân sự của chúng tôi luôn ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương và thường xuyên đào tạo đội ngũ nhân sự để đáp ứng các nhu cầu đa dạng của ngành.

Chính sách nhân sự của chúng tôi tuân thủ các quy định trong Bộ Luật Lao động nhằm tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho nhân viên:

-  Chế độ làm việc & đảm bảo việc làm
-  Nghỉ phép, lễ, Tết
-  Điều kiện làm việc
-  Chế độ lương
-  Chế độ thưởng
-  Bảo hiểm và phúc lợi
-  Chính sách xây dựng và phát triển nguồn nhân lực



CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC & ĐẢM BẢO VIỆC LÀM

Công ty cam kết tạo việc làm cho người lao động thông qua việc định hướng phát triển Doanh nghiệp, mở rộng thị phần của Công ty. Công ty tổ chức nguồn nhân lực một cách tối ưu nhất và cam kết luôn tạo điều kiện để nhân viên phát triển và thăng tiến trong nghề nghiệp. Để giải quyết việc làm cho gần 4.600 lao động, Ban Tổng Giám đốc Công ty luôn tìm cách đa dạng hoá ngành nghề, tìm kiếm những khách hàng tiềm năng, những đối tác mới trong và ngoài nước, mở rộng thị trường kinh doanh.



NGHỈ PHÉP, LỄ, TẾT

Nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động và được hưởng nguyên lương. Những nhân viên làm việc đủ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm;



ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC

Các văn phòng của Công ty được thường xuyên mở rộng và nâng cấp với trang thiết bị hiện đại và trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động. Công ty cam kết tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện cho tất cả nhân viên để khuyến khích năng suất và sáng tạo;



CHẾ ĐỘ LƯƠNG

Công ty thực hiện việc chi trả lương cho nhân viên dựa vào cấp công việc của nhân viên, năng lực, chức vụ, thang bảng lương và điều kiện kinh doanh của Công ty. Masan thực hiện xem xét điều chỉnh lương cho CBCNV hàng năm và luôn có sự quan tâm thường xuyên đến thu nhập, đời sống CBCNV;



CHẾ ĐỘ THƯỞNG

Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng thiết thực hàng năm cho cá nhân và khen thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc. Công ty thực hiện khen thưởng xứng đáng, kịp thời cho việc đóng góp tạo ra giá trị, nâng cao hiệu quả trong công việc, phát huy tinh thần sáng kiến cải tiến, tiết giảm chi phí, tăng tính cạnh tranh cho Công ty. Công ty đã ban hành chính sách thưởng bằng cổ phiếu cho các cá nhân xuất sắc, có đóng góp đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh;



BẢO HIỂM VÀ PHÚC LỢI

Công ty tham gia đầy đủ chế độ Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế cho tất cả CBCNV. Ngoài ra, Công ty còn mua Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CBCNV của Công ty. Với CBCNV cấp chuyên viên trở lên, Công ty còn mua thêm Bảo hiểm sức khỏe nhằm chăm sóc sức khỏe của nhân viên thông qua hệ thống bệnh viện trong nước và quốc tế hàng đầu tại Việt Nam. Mỗi năm, Công ty kết hợp với Công đoàn tổ chức cho CBCNV tham quan nghỉ mát trong nước ít nhất một lần và tổ chức các chuyến du lịch nước ngoài dành cho các nhân viên được giải thưởng Chairman Awards 2017;



CHÍNH SÁCH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Chúng tôi áp dụng các chính sách tốt nhất giúp Công ty luôn thu hút và giữ được các nhân sự.

Tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân sự có năng lực vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng. Tuy vậy, tất cả các chức danh đều phải đáp ứng yêu cầu cơ bản như: trình độ chuyên môn, năng lực, tinh thần làm chủ, học hỏi, sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn kinh nghiệm công tác, khả năng lãnh đạo, tinh thần doanh nhân... Ngoài lực lượng sẵn có tại đơn vị, Công ty cũng chú trọng bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng cao để ngày càng phát triển bộ máy nhân sự đáp ứng kịp thời sự đòi hỏi của quá trình cạnh tranh và phát triển;

Đào tạo

Công ty luôn luôn ý thức rằng con người là tài sản quý giá của doanh nghiệp và để phát huy hiệu quả nguồn vốn quý này, Công ty kết hợp chặt chẽ đến vấn đề đào tạo, phát triển nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khoá huấn luyện nội bộ và bên ngoài để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, học tập những kỹ năng mới cần thiết cho nhân viên để phát triển năng lực công tác nhằm đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại cũng như trong tương lai của Công ty. Công ty đài thọ 100% chi phí học tập cũng như chế độ lương trong thời gian học tập;

Giữ nhân tài

Chiến lược nhân tài của chúng tôi rất rõ ràng, bao gồm: Công ty cho nhân viên được trải nghiệm và lãnh đạo, đánh giá nhân viên theo năng lực thực tế, thường xuyên đào tạo kỹ năng chuyên môn lẫn kỹ năng mềm và đảm bảo chất lượng cuộc sống của nhân viên. Chúng tôi còn có các kế hoạch huấn luyện dài hạn nhằm chuẩn bị hành trang cho các nhân viên giỏi trở thành những nhà lãnh đạo tương lai.

CHÚNG TÔI TIN RẰNG CÔNG TY CHÚNG TÔI LÀ DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU TRONG NƯỚC ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHUẨN VỀ MÔI TRƯỜNG TRONG NGÀNH.

Tại Masan, chúng tôi luôn nghiêm túc đánh giá các tác động đến môi trường. Chúng tôi đảm bảo các cơ sở sản xuất đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm. Do đó, các biện pháp xử lý chất thải và sử dụng tài nguyên bền vững là yêu cầu bắt buộc trong tất cả nhà máy chúng tôi. Khi bắt đầu lên kế hoạch cho bất kỳ dự án mới nào, chúng tôi luôn tính toán trước các ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, từ đó lên các phương án bảo vệ môi trường phù hợp trước khi thực hiện dự án.

Công việc kinh doanh của chúng tôi tuân thủ tuyệt đối các quy định của pháp luật Việt Nam và địa phương về môi trường, như thực hiện các biện pháp đánh giá, giám sát và bảo vệ môi trường, thường xuyên thực hiện quan trắc môi trường, kiểm định máy móc thiết bị nhà xưởng, phòng cháy chữa cháy và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nhà nước trong việc kiểm tra và báo cáo định kỳ. Trong quá trình sản xuất, nước thải vệ sinh và nước thải công nghiệp từ các nhà máy của chúng tôi được xử lý theo các quy định chặt chẽ của trong nước và quốc tế. Để đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành, chúng tôi đã lắp đặt các trang thiết bị bảo vệ môi trường, tái chế chất thải trong trường hợp có thể, bao gồm chất thải rắn, lỏng và khí.

Bộ phận Pháp chế và Tuân thủ của chúng tôi kết hợp với Bộ phận An toàn, Sức khỏe và Môi trường (SHE) có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường trên toàn quốc.

Ngoài ra, bộ phận kỹ thuật của từng công ty con của chúng tôi đã tiến hành thử nghiệm mẫu chất thải định kỳ để giám sát việc tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường. Chúng tôi hoàn toàn tự tin về việc tuân thủ tất cả các khía cạnh trọng yếu của các quy định về môi trường tại Việt Nam. Ngoài ra, chúng tôi cũng đáp ứng được tất cả các quy định nghiêm ngặt từ các khách hàng quốc tế lẫn các đơn vị quản lý hàng hóa nhập khẩu ở nước ngoài.

Năm 2018, chúng tôi tập trung phát triển giải pháp kỹ thuật xử lý tại các đầu nguồn xả nước thải, đảm bảo các chỉ số nguồn nước thải đáp ứng năng lực vận hành của Hệ Thống Xử Lý Nước Thải trung tâm, nước thải cuối cùng tại các nhà máy đạt yêu cầu ĐTM (Đánh giá tác động môi trường) và pháp luật môi trường Việt Nam. Ngoài ra, tại các nhà máy hiện hữu và các nhà máy xây mới tại Bình Dương, Hậu Giang, Long An, Nghệ An... đều tuân thủ diện tích cây xanh 20% tổng diện tích khuôn viên để luôn đảm bảo nơi làm việc Xanh - thân thiện môi trường.

Trong năm 2018, nhà máy của chúng tôi tại Bình Dương vinh dự là một trong 66 doanh nghiệp trong tổng số hàng ngàn doanh nghiệp đang hoạt động tại Bình Dương được vinh dự ghi nhận vào Sách Xanh tỉnh Bình Dương.

Do đó, chúng tôi tin rằng Công ty chúng tôi là doanh nghiệp hàng đầu trong nước đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường trong ngành.



NGUỒN NƯỚC

Tại Masan, bảo vệ tài nguyên nước là một trong những vấn đề được ưu tiên. Chính sách sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước có trách nhiệm được chúng tôi thực hiện bằng cách áp dụng những giải pháp công nghệ tiên tiến, nhờ vậy, chúng tôi có thể quản lý nguồn nước hiệu quả hơn bao giờ hết.

Chúng tôi hướng đến mục tiêu có được hệ thống xử lý nước thải tốt nhất, điều đó được chứng minh qua mức đầu tư lớn của chúng tôi vào các hệ thống xử lý nước thải và áp dụng các quy chuẩn khắt khe nhất để giám sát những tác động của hoạt động nhà máy đến môi trường xung quanh.

Chúng tôi đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải hiện đại do đối tác Hà Lan thiết kế tại các

nhà máy ở Bình Dương, Hải Dương và Nghệ An. Tất cả các kết quả kiểm tra chất lượng xử lý nước thải đầu ra đều đạt tiêu chuẩn loại A - tiêu chuẩn cao nhất Việt Nam.

Masan Consumer cũng là một trong những đơn vị tiên phong trong minh bạch hóa quy trình xử lý nước thải thông qua việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, báo cáo trực tiếp và liên tục với Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương.

Năm 2018, chúng tôi sử dụng 2 triệu m³ nước cho công nghiệp và dân sinh, toàn bộ nước thải được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải công nghệ cao, trong đó, khoảng 10% lượng nước thải của chúng tôi được tái sử dụng để tưới cây và vệ sinh nhà máy.



NĂNG LƯỢNG SẠCH VÀ TÁI TẠO

Môi trường toàn cầu đang chịu những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu và một quốc gia có bờ biển trải dài như Việt Nam sẽ chịu những tác động bất lợi nhất. Chúng tôi cam kết giảm khí thải carbon thông qua việc tiết kiệm năng lượng và tối ưu hóa nguồn lực hiện có của chúng tôi.

Tại Masan Consumer, chúng tôi đã thực hiện chương trình **“Ý tưởng tiết kiệm năng lượng”** và đã đạt được những thành quả như sau:

- » Tối ưu hóa quy trình sản xuất, giảm thiểu năng lượng tiêu thụ bằng cách như tận dụng nhiệt bị mất đi trong quá trình chiên và vô trùng sản phẩm, tránh sử dụng các quy trình làm thay đổi nhiệt, áp dụng các công nghệ tiết kiệm năng lượng.
- » Huấn luyện nhân viên về lợi ích của thói quen tiết kiệm điện bằng việc thường xuyên vệ sinh máy móc, dụng cụ nhằm đạt được thành

phẩm đầu ra tốt nhất và giảm thiểu hư hỏng, tích cực sử dụng điện sản sinh từ tự nhiên hơn dùng máy phát điện, tiết kiệm nước và tăng cường sử dụng nguyên liệu tái chế.

- » Chúng tôi áp dụng công nghệ biogas từ trấu và mùn cưa để tạo năng lượng cho toàn bộ nhà máy. Đây là một nguồn năng lượng không những thân thiện với môi trường, chi phí thấp mà còn giúp tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân địa phương.

Trong năm 2018, chúng tôi đã sử dụng hơn 255 ngàn tấn hơi. Hơi này được lấy từ việc đốt lò hơi chạy bằng dầu DO hoặc Biomass (từ mùn cưa, vỏ trấu...). Chúng tôi cũng đã tiêu thụ 54.300 Kw điện. Ngoài ra, khoảng 27% các loại nguyên liệu bao bì của Công ty được sản xuất từ nguyên liệu tái chế. Chúng tôi tin rằng những sáng kiến trên giúp cho các nhà máy nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và bảo vệ môi trường.



NÂNG CAO ĐỜI SỐNG CỘNG ĐỒNG



TẠI MASAN CONSUMER, CHÚNG TÔI TẬP TRUNG VÀO CÁC CƠ HỘI PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI, THÚC ĐẨY NHỮNG THAY ĐỔI TÍCH CỰC TRONG XÃ HỘI VÀ CHIA SẺ VỚI TẤT CẢ CÁC ĐỐI TÁC VỀ GIÁ TRỊ CỦA PHÁT TRIỂN VÀ TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG. VỚI MỤC ĐÍCH ĐÓ, CHÚNG TÔI ĐÃ KHÔNG NGỪNG ĐÓNG GÓP VÀO GIÁO DỤC, XÂY DỰNG NHÀ CỬA VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG, ĐÀO TẠO VÀ TƯ VẤN CHO CỘNG ĐỒNG.

Bóng đá - môn thể thao gắn kết hơn 90 triệu con tim người Việt Nam cùng một niềm tin chiến thắng và tự hào dân tộc. Tình yêu bóng đá và tinh thần dân tộc của người Việt Nam càng mãnh liệt hơn khi đội tuyển bóng đá Việt Nam vào đến vòng tứ kết Asian Cup tại UAE (Các tiểu vương quốc Ả-Rập) tháng 12/2018. Để tiếp lửa cho đội tuyển Việt Nam trong hai trận đấu quyết định giữa Việt Nam - Yemen; Việt Nam - Nhật Bản, nhãn hàng Wake-Up 247 đã tài trợ hơn 20 tỷ đồng thuê chuyên cơ để đưa tổng cộng hơn 600 cổ động viên Việt Nam và người nhà của cầu thủ đội tuyển đến UAE cổ vũ cho đội tuyển Việt Nam.



Ngoài ra, với chiến lược dài hạn, đồng hành cùng sự phát triển lâu dài, bền vững của bóng đá Việt Nam, nhãn hàng Wake-Up 247 đã ký kết tài trợ giải bóng đá Vô Địch Quốc Gia Wake-Up 247 2019 với Liên đoàn bóng đá Việt Nam. Chương trình hợp tác chiến lược này sẽ kéo dài trong 5 năm với tổng ngân sách trên hàng trăm tỷ đồng hứa hẹn cho một nền bóng đá phát triển bền vững, hướng tới việc có mặt tại World Cup trong một thời gian không xa.

Vào tháng 3/2017, Masan đã cùng với Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược toàn diện nhằm phát triển cà phê Buôn Mê Thuột. Chiến lược hợp tác toàn diện của hai công ty hàng đầu

về sản phẩm liên quan tới cà phê sẽ giúp cải thiện chất lượng cà phê Việt Nam và phổ biến thương hiệu "Hòn Ngọc Ban Mê" của cà phê Buôn Mê Thuột. Cụ thể hơn, chúng tôi sẽ áp dụng công nghệ tiên tiến nhằm xây dựng mô hình chế biến cà phê kiểu mẫu, đồng thời quy hoạch lại các hộ nông dân trồng cà phê nhỏ lẻ thành các khu vực trồng cà phê tập trung nhằm cải thiện năng suất của các làng và ấp trồng cà phê tại xã Ea Tu, thành phố Buôn Mê Thuột.

Ngoài ra, chúng tôi còn tổ chức các chương trình tập huấn giúp bà con nông dân trồng cà phê nhận thức và biết phương pháp tái canh vườn cà phê già cỗi, cải tạo vườn cà phê cho năng suất thấp. Việc tập huấn kỹ

thuật trồng tái canh cây cà phê là rất cần thiết, thường xuyên nhằm trang bị kiến thức cho bà con nông dân áp dụng vào sản xuất để nâng cao thu nhập, góp phần phát triển kinh tế tại địa phương. Tính đến hết năm 2018, đã có 4 buổi tập huấn kỹ thuật với hướng phát triển tăng dần của cây cà phê - chuẩn bị cho mùa thu hoạch trong năm 2019.

Chúng tôi tin rằng chương trình này sẽ mang lại những lợi ích về lâu dài cho người nông dân, đồng thời tạo được đà phát triển nông nghiệp bền vững, cải thiện đời sống cho người trồng cà phê và đóng góp vào việc đưa cà phê Việt Nam lên bản đồ cà phê thế giới.



CHĂM LO SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

MASAN CONSUMER LUÔN TÌM NHỮNG CƠ HỘI ĐỂ NÂNG CAO SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG THÔNG QUA NHỮNG HOẠT ĐỘNG THIẾT THỰC VÀ Ý NGHĨA.

Theo thống kê của Bộ Y Tế, hàng năm Việt Nam có 12.000 trẻ mắc bệnh tim bẩm sinh nhưng chỉ có 6.000 trẻ được phẫu thuật, số còn lại phải chờ và thậm chí tử vong trước khi được phát hiện bệnh. Con số thống kê nâng tỉ lệ trẻ em Việt Nam mắc bệnh tim bẩm sinh lên từ 0,8 - 1%. Chia sẻ nỗi đau với các gia đình và giúp các bệnh nhi có hoàn cảnh khó khăn có cơ hội được phẫu thuật miễn phí, Masan đã tài trợ 280 triệu đồng và đồng hành cùng chương trình “Cứu sống những trái tim bé bỏng” của Hội Bảo trợ Người khuyết tật, quyên trẻ em tỉnh Quảng Nam cho các trường hợp trẻ em nghèo mắc bệnh tim bẩm sinh có cơ hội được mổ tim và điều trị miễn phí tại Trung tâm Tim mạch - Bệnh Viện Đa Khoa Đà Nẵng.



CÁC HOẠT ĐỘNG THIỆN NGUYỆN



TẠI MASAN, CHÚNG TÔI TIN RẰNG HỖ TRỢ NGƯỜI DÂN VÀ CỘNG ĐỒNG TẠI CÁC ĐỊA BÀN MÀ CHÚNG TÔI HOẠT ĐỘNG ĐỂ CẢI THIỆN VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG.



Với mong muốn chia sẻ khó khăn và cùng đem đến cho các em học sinh miền núi còn nhiều khó khăn, thiếu thốn có một không khí vui tươi, ý nghĩa, nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, Công ty Masan cùng Hội bảo trợ Quảng Nam đã tổ chức tặng 300 phần quà như cặp đi học, tập vở... để các em có đồ dùng học tập khi trở lại trường sau một mùa hè với gia đình thân yêu của mình. Nhân dịp đón xuân Kỷ Hợi 2019, tại địa bàn các nhà máy chúng tôi đang hoạt động như Đồng Nai, Bình Dương, Hậu Giang, Phan Thiết, Phú Quốc, Nghệ An, Hải Dương... tổ chức công đoàn phối hợp cùng với cơ quan ban ngành địa phương đã trao tặng hơn 200 phần quà tết đến các hộ gia đình khó khăn, người khuyết tật, trẻ em mồ côi, nạn nhân Dioxin và gia đình chính sách.

Tại thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi đồng hành với các đơn vị như Sở Lao Động Thương Binh Xã Hội (LĐTBXH) TPHCM, Thành Đoàn TPHCM chăm lo trên 5.000 phần

quà tết đến cho các Trung tâm người già, Trung tâm trẻ mồ côi trên toàn thành phố cũng như hàng ngàn công nhân các khu công nghiệp đang hoạt động tại Tp.HCM với ngân sách trên 1,5 tỷ đồng.

Đồng bằng sông Cửu Long nổi tiếng với vựa lúa lớn nhất Việt Nam nhưng cũng là nơi có nhiều cây cầu không kiên cố nhất ảnh hưởng đến việc đi lại, sinh hoạt của người dân vùng sông nước gặp nhiều khó khăn. Masan Consumer đã phối hợp cùng quỹ Nam Phương thi công những cây cầu bê-tông chắc chắn, đảm bảo cho việc đi lại cho bà con thuận lợi hơn. Sau gần hơn 3 tháng thi công, cầu Ngang Kênh 8 đã được khánh thành tại Xã Mỹ Hội, Huyện Cái Bè, Tỉnh Tiền Giang với kinh phí hỗ trợ 500 triệu đồng. Đây là cây cầu thứ 4 mà Masan Consumer đồng hành với quỹ Kiến tạo nhịp cầu nhằm tạo thuận lợi và nâng cao cuộc sống của bà con đồng bằng sông Cửu Long.

CAM KẾT PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA CHÚNG TÔI ĐÃ MANG LẠI NHỮNG THÀNH QUẢ SAU NHIỀU NĂM THỰC HIỆN, ĐƯỢC THỂ HIỆN BỞI SỐ LƯỢNG GIẢI THƯỞNG VÀ BẰNG KHEN CỦA CÁC TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ THƯƠNG HIỆU CẢ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC.

TOP 10
 CÔNG TY UY TÍN NGÀNH
 ĐỒ UỐNG VIỆT NAM NĂM 2018
 THEO VIETNAM REPORT

- » **Masan Consumer** tự hào là **công ty thực phẩm uy tín nhất Việt Nam năm 2018** theo kết quả của Vietnam Report
- » **Vinacafé Biên Hòa** vinh hạnh là công ty có sản phẩm đạt **Thương hiệu quốc gia giai đoạn 2018-2020** do Hội Đồng Thương Hiệu Quốc Gia - Bộ Công Thương chứng nhận. Vinacafé Biên Hòa cũng đạt danh hiệu **“Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao - Chuẩn Hội Nhập”** và **“Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao”** 22 năm liền theo bình chọn của Hội Doanh Nghiệp Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao.
- » **Vinacafé Biên Hòa** vinh dự đứng trong **“Top 10 Công ty uy tín Ngành đồ uống Việt Nam năm 2018”** theo Vietnam Report.
- » **Nước khoáng Vĩnh Hảo** đã nhận được nhiều giải thưởng về thương hiệu và chất lượng, tiêu biểu như **“Sao vàng đất Việt”**, **“Top 100 Thương hiệu mạnh”** và đạt danh hiệu **“Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao”** trong 22 năm liền theo bình chọn của Hội Doanh nghiệp Hàng Việt Nam Chất lượng cao.



CHỌN CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN THEO TRIẾT LÝ “DOING WELL BY DOING GOOD”, MASAN TỰ HÀO LÀ DOANH NGHIỆP DẪN ĐẦU TRÊN NỀN TẢNG QUAN ĐIỂM KINH DOANH BỀN VỮNG, TẠO NHỮNG KỶ TÍCH MANG DẤU ẤN CỦA CHÍNH MÌNH

Tại Masan, phát triển bền vững nghĩa là sự dung hòa giữa hiệu quả của doanh nghiệp với môi trường và con người xung quanh. Chọn con đường phát triển theo triết lý **“Doing well by doing good”**, Masan tự hào là doanh nghiệp dẫn đầu trên nền tảng quan điểm kinh doanh bền vững, tạo những kỳ tích mang dấu ấn của chính mình.

Đối với chúng tôi, thành công không dừng lại ở những con số biết nói mà niềm hạnh phúc lớn nhất là nhìn thấy và cảm nhận những đổi thay tích cực trong đời sống hằng ngày. Đó là khát khao giúp cho người tiêu dùng Việt có thể chi trả ít hơn nhu cầu cơ bản hằng ngày của họ, giúp họ có cơ hội cải thiện cuộc sống và đầu tư vào tương lai.



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

KHÁI QUÁT

NỀN KINH TẾ VIỆT NAM GHI NHẬN SỰ TĂNG TRƯỞNG HÀNG NĂM CAO NHẤT TRONG MỘT THẬP KỶ VÀO NĂM 2018 NHỜ MỨC TĂNG MẠNH TRONG QUÝ 4/2018. THEO TỔNG CỤC THỐNG KÊ (GSO), GDP THỰC TẾ TĂNG 7,1% TRONG NĂM 2018, MỨC CAO NHẤT TRONG 11 NĂM (GDP DANH NGHĨA TĂNG 10,6%). PHÁT TRIỂN VƯỢT TRỘI TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP, NÔNG NGHIỆP VÀ DỊCH VỤ ĐÃ THỨC ĐẨY SỰ TĂNG TRƯỞNG TRONG NĂM 2018.



Ngành sản xuất hàng hóa đang trở thành ngôi sao lớn trong khi ngành du lịch có một năm nổi bật tiếp tục là động lực tăng trưởng chính. Trong một thập kỷ qua, sự thay đổi cơ cấu của nền kinh tế Việt Nam đang theo hướng công nghiệp hóa khi tỷ trọng của ngành nông nghiệp giảm từ 22% xuống 15% trong năm 2018.

Đặc điểm nhân khẩu học và mức thu nhập ngày càng tăng ở Việt Nam thúc đẩy sự tăng trưởng mạnh không ngừng của sức tiêu dùng trong nước. Đất nước vừa bước vào kỷ nguyên “Lợi tức Dân số - Demographic Dividend” dự kiến kéo dài 30 năm với đặc điểm gần 70% của dân số 90 triệu người nằm trong độ tuổi lao động và 56% dân số có độ tuổi dưới 30. Trong 10 năm tới, số người trong độ tuổi lao động dự kiến sẽ tăng thêm ít nhất 1 triệu người mỗi năm.

Lực lượng lao động ngày càng tăng sẽ thúc đẩy chi tiêu tiêu dùng. Bên cạnh đó, sự tác động hỗn hợp tích cực của tốc độ tăng trưởng kinh tế liên tục, quá trình đô thị hóa mạnh mẽ, “lợi tức dân số”, sự nổi lên của nhóm người thu nhập trung bình, và mạng lưới bán lẻ hiện đại đang mở

rộng, góp phần thúc đẩy mức tăng trưởng tiêu thụ thực phẩm trong dài hạn và trung hạn. Theo Nielsen, Chỉ số Niềm tin của Việt Nam tăng mạnh vào Quý 3/2018, giúp Việt Nam vươn lên vị trí thứ 2 trong thước đo niềm tin người tiêu dùng trên thế giới.

Ngành thực phẩm và đồ uống Việt Nam dự kiến tiếp tục tăng trưởng hai con số trong tương lai gần, chủ yếu là do tăng nhu cầu tiêu dùng trong nước nhờ vào sự tăng thu nhập khả dụng. Nhờ đó, với vị trí dẫn đầu thị trường trong các ngành hàng tiêu dùng thiết yếu, Masan có vị thế tốt để nắm bắt cơ hội từ triển vọng kinh tế vĩ mô của Việt Nam, đặc biệt là niềm tin của người tiêu dùng Việt Nam đang tăng lên.

Sau khi Masan Consumer thành công tái cấu trúc mô hình kinh doanh từ “bán hàng hóa” thành “xây dựng thương hiệu” cuối năm 2017, hy sinh lợi ích ngắn hạn để tập trung nguồn lực vào tăng trưởng bền vững trong dài hạn, Masan Consumer đã tăng trưởng trở lại trong năm 2018. Chiến lược giảm bớt hàng tồn kho tại nhà phân phối đã được thực thi để: i) nâng cao hiệu quả hệ thống

phân phối trên thị trường và ii) giảm sự phụ thuộc vào các hoạt động khuyến mãi, giải phóng nguồn lực để đầu tư vào các hoạt động xây dựng thương hiệu. Doanh thu thuần của Masan Consumer tăng 28% so với năm 2017 là một sự tăng trưởng vượt bậc so với 5 năm gần đây.

Doanh thu năm 2018 từ các ngành hàng chính của Masan tăng trưởng đột phá. Doanh thu từ gia vị, mì ăn liền đã tăng trưởng trở lại, tăng 35% và 29% so với 2017. Ngành nước tăng lực cũng có sự tăng trưởng mạnh mẽ với mức 36% so với 2017. Việc chủ động tái cấu trúc mô hình kinh doanh theo hướng xây dựng thương hiệu cho phép chúng tôi giảm bớt các hoạt động khuyến mại một cách bền vững, dẫn đến biên lợi nhuận trước thuế tăng 3%, từ 19,8% trong năm 2017 lên 22,8% trong năm 2018.

Năm 2018, chúng tôi tập trung đẩy mạnh xuất khẩu vào các thị trường tiềm năng như Bắc Mỹ, Trung Quốc, Châu Âu, Úc và Đông Á... Các thị trường xuất khẩu chính của chúng tôi đã có bước tăng trưởng vượt trội, chứng minh cho những bước tiến tích cực trong hành trình hướng

tới mục tiêu trở thành và được công nhận là công ty thành công nhất trong việc xây dựng thương hiệu hàng tiêu dùng của Việt Nam trên thị trường quốc tế. Chúng tôi đã thiết lập hệ thống các nhà phân phối chủ chốt ở thị trường Bắc Mỹ gồm Hoa Kỳ và Canada, đẩy mạnh xuất khẩu hai ngành hàng chính là gia vị và cà phê với hai nhãn hàng chủ lực là nước mắm Chin-Su và Vinacafé. Các sản phẩm xuất khẩu đều được nghiên cứu và sản xuất riêng dựa trên khẩu vị và yêu cầu nghiêm ngặt của cơ quan quản lý của nước sở tại. Tại thị trường Trung Quốc, chúng tôi đẩy mạnh việc đầu tư và khai thác tiềm năng to lớn của thị trường cà phê hòa tan với hai thương hiệu chủ lực là Vinacafé và Wake-Up Café mở đường cho các thương hiệu lớn của chúng tôi có mặt tại nền kinh tế lớn thứ hai thế giới.

Masan Consumer dự kiến năm 2019 sẽ đạt tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong khoảng 20% - 30% nhờ chiến lược gia tăng giá trị của các ngành hàng chính và sự gia tăng đáng kể cơ hội của các ngành hàng trụ cột mới.



MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

THỊ TRƯỜNG HÀNG TIÊU DÙNG TẠI VIỆT NAM



Hoạt động kinh doanh của chúng tôi chủ yếu tại Việt Nam, do đó hiệu quả và chất lượng tài sản của chúng tôi phụ thuộc rất lớn vào sự bình ổn của kinh tế Việt Nam. Môi trường kinh tế của Việt Nam cũng như các yếu tố bên ngoài như sự phát triển kinh tế trên toàn châu Á và thế giới có thể ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Masan.

Các yếu tố kinh tế vĩ mô có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động bao gồm chi tiêu và mua sắm cá nhân, nhu cầu về các sản phẩm và dịch vụ, tỷ lệ lạm phát, lãi suất, mặt bằng giá cả hàng hóa, gánh nặng trả nợ của người tiêu dùng hoặc doanh nghiệp và khả năng cho vay tín dụng cũng như các yếu tố khác như sự lây lan của bệnh dịch, xung đột vũ trang quy mô lớn, khủng bố hay bất cứ sự cố xã hội, địa lý hoặc chính trị bất lợi nào.

Năm 2019, nền kinh tế của Việt Nam dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng nhờ gia tăng tiêu dùng do thu nhập khả dụng ngày càng cao, tầng lớp trung lưu đông hơn, tốc độ đô thị hóa cao và hệ thống ngân hàng có chất lượng tài sản tốt hơn.

Trên bình diện quốc tế, giá nguyên vật liệu đầu vào có thể sẽ tăng trong năm 2019, dẫn đến biên lợi nhuận giảm trong những ngành kinh doanh chủ chốt của Masan. Áp lực mạnh từ phía cầu và khả năng mất giá của tiền đồng Việt Nam so với đồng đô la Mỹ có thể khiến cho việc nhập khẩu hàng hóa trở nên đắt đỏ hơn, từ đó đẩy mặt bằng giá cả hàng hóa và dịch vụ lên cao.

Đặc điểm nhân khẩu học của Việt Nam cho thấy cơ hội cho nhu cầu tiêu dùng trong nước tăng cao và sẽ tiếp tục được duy trì trong vài thập niên tiếp theo. Các xu hướng mới và đặc điểm nhân khẩu học sẽ làm ảnh hưởng đến thói quen tiêu dùng gồm: (i) số lượng nhân viên nữ trong lực lượng lao động cao hơn, (ii) tỷ lệ đô thị hoá cao, (iii) lối sống bận rộn hơn và (iv) tăng cường đầu tư vào các hoạt động tiếp thị. Các xu hướng này sẽ làm thay đổi lớn đến thị trường tiêu dùng như: (i) nhu cầu cao cho thực phẩm tiện lợi, (ii) mối quan tâm lớn hơn cho sản phẩm chất lượng và an toàn, (iii) các sản phẩm có thương hiệu được ưu tiên lựa chọn và (iv) nhu cầu cho các sản phẩm mới và đa dạng.

Thị trường cho các sản phẩm thực phẩm và đồ uống đã và đang mở rộng trong thời gian qua, chủ yếu là do: (i) thu nhập khả dụng của người tiêu dùng cao hơn và mối quan tâm lớn hơn đến chất lượng sản phẩm, (ii) mối quan tâm lớn hơn đến các vấn đề về sức khỏe và an toàn và (iii) các công ty lớn đầu tư nhiều hơn vào phát triển sản phẩm mới, tiếp thị và hệ thống phân phối.



THỊ TRƯỜNG HÀNG TIÊU DÙNG TẠI VIỆT NAM (tiếp theo)

NGÀNH HÀNG THỰC PHẨM TIỆN LỢI

Thị trường thực phẩm đóng gói tại Việt Nam đầy cạnh tranh với rất nhiều đối thủ sở hữu các thương hiệu đa dạng. Ngoài việc dân số lớn thì tăng trưởng kinh tế cao và tăng cường của đầu tư nước ngoài đã thu hút nhiều công ty trong nước và quốc tế tham gia thị trường trong những năm gần đây. Thu nhập khả dụng của người Việt ngày càng tăng, nhận thức về dinh dưỡng cao hơn và quan tâm hơn về vệ sinh an toàn thực phẩm, các công ty thực phẩm đóng gói tiếp tục phát triển sản phẩm mới để đáp ứng các nhu cầu này. Cụ thể, các nhà sản xuất sẽ đưa ra các sản phẩm có thêm các thành phần mới hơn để đáp ứng nhu cầu không ngừng thay đổi của người tiêu dùng. Trong năm 2018, Masan Consumer tiếp tục giữ vị trí là công ty lớn thứ hai trong ngành mì ăn liền (theo Nielsen).

Trong năm 2018, sản lượng của các thương hiệu chính trong ngành thực phẩm tiện lợi của Masan đạt tăng trưởng 2 chữ số do tăng giá sản phẩm và đưa ra các phát kiến mới trong giải pháp cho bữa ăn hoàn chỉnh. Năm 2018 đánh dấu tăng trưởng cao của ngành thực phẩm tiện lợi với tăng trưởng sản lượng đạt 23% và giá bán bình quân tăng 6%. Masan cũng tung ra các sản phẩm đột phá mới như Omachi Cup - giải pháp cho bữa ăn hoàn chỉnh và khoai tây nghiền Omachi. Nhờ vậy, doanh thu thuần của ngành hàng đạt 4.636 tỷ VND trong năm 2018 tăng 29% so với năm 2017. Các sản phẩm dưới thương hiệu Omachi trong năm 2018 tăng 34% so với năm 2017 và hiện chiếm khoảng 40% doanh thu toàn ngành hàng. Trong quý 4 năm 2018, Masan đã tham gia vào thị trường siêu cao cấp với mì ly Omachi - Business Class, giải pháp cho bữa ăn ngon, đầy đủ chất dinh dưỡng với rau và thịt viên.



NGÀNH HÀNG GIA VỊ, NƯỚC SỐT VÀ SỐT SALAD

Trong số các mặt hàng đa dạng trong ngành hàng gia vị, nước sốt và nước sốt salad, nước mắm được xem là linh hồn của ẩm thực Việt. Theo một nghiên cứu của Kantar Worldpanel, có khoảng 97% gia đình Việt Nam trong khu vực đô thị sử dụng nước mắm trong những bữa ăn hằng ngày. Dù quá trình đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ, nhưng người tiêu dùng chủ yếu mua nước mắm tại những kênh truyền thống như các cửa hiệu tạp hóa nhỏ lẻ và các ki-ốt trong chợ. Năm 2018, Masan Consumer tiếp tục dẫn đầu ngành gồm nước mắm, nước tương và tương ớt.

Trong năm 2018, ngành hàng gia vị của Masan đạt tăng trưởng cao nhờ tăng trưởng sản lượng của các thương hiệu chủ chốt và những phát kiến sản phẩm cao cấp mới. Doanh thu thuần năm 2018 của ngành hàng gia vị tăng



35% lên 6.958 tỷ đồng từ mức 5.159 tỷ đồng trong năm 2017. Các thương hiệu chủ chốt như Chin-Su và Nam Ngư tiếp tục đạt doanh thu cao do sản lượng tăng 26% và là trụ cột chính thúc đẩy doanh thu cho ngành gia vị. Masan tiếp tục cho ra mắt các sản phẩm cao cấp, trong đó các sản phẩm này đóng góp khoảng 10% doanh thu thuần của ngành hàng trong năm 2018. Chiến lược cao cấp hóa tiếp tục chứng tỏ hiệu quả khi việc đưa ra các sản phẩm cao cấp giúp tăng giá bán bình quân toàn ngành gia vị trong năm 2018 tăng lên khoảng 7% so với năm 2017.

NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

GDP Việt Nam được kỳ vọng tăng trưởng cao với tỷ lệ thất nghiệp giảm, điều này giúp người tiêu dùng mạnh tay trong chi tiêu. Người tiêu dùng ngày càng bị cuốn vào lối sống bận rộn và vì thế cần có các sản phẩm tiện lợi như đồ uống nóng hòa tan. Cà phê được kỳ vọng sẽ hưởng lợi nhiều nhất từ xu hướng này. Kênh phân phối của cà phê hòa tan tập trung hầu hết tại hệ thống bán hàng truyền thống (tạp hóa, cửa hàng nhỏ) nên việc phát triển sản phẩm mới là điều cần thiết để duy trì sức mạnh cạnh tranh với các nhãn hàng khác. Nhiều người Việt Nam thích cà phê mạnh và đặc như cà phê phin truyền thống - đây cũng là hướng đi cho các sản phẩm cà phê hòa tan mới được tung ra năm 2018. Kênh phân phối hàng quán tăng trưởng cao hơn kênh truyền thống trong năm 2018 vì người dân ăn ở hàng quán nhiều hơn. Ở các khu vực thành thị, giới trẻ thường dành nhiều thời gian ở văn phòng làm việc và thích ra ngoài ăn hơn là tự nấu ở nhà.



Ngành hàng cà phê của Masan (trừ nhãn hiệu Wake-up 247 do thuộc ngành đồ uống đóng chai) trong năm 2018 ghi nhận doanh thu thuần là 1.708 tỷ đồng, tăng 11% so với mức 1.532 tỷ đồng trong năm 2017, nhờ vào tăng trưởng sản lượng. Thị trường ngày càng thu hút nhiều doanh nghiệp trong nước và quốc tế, do đó, để đáp ứng nhu cầu tiện lợi với đòi hỏi ngày càng cao của người tiêu dùng thì doanh nghiệp phải đưa ra nhiều phát kiến trong sản phẩm mới, và từ đó mới có thể duy trì tăng trưởng ngành hàng ở mức hai chữ số.



THỊ TRƯỜNG HÀNG TIÊU DÙNG TẠI VIỆT NAM (tiếp theo)

NGÀNH ĐỒ UỐNG ĐÓNG CHAI

Người tiêu dùng Việt Nam ngày càng quan tâm đến vấn đề sức khỏe, do vậy, họ có xu hướng chọn mua những loại đồ uống tốt cho sức khỏe, đây là động lực thúc đẩy sự tăng trưởng của thị trường đồ uống đóng chai. Người tiêu dùng hiện nay yêu thích các sản phẩm lành mạnh hơn như trà đóng chai, nước trái cây và nước đóng chai. Ngoài ra, nhu cầu nước tăng lực của công nhân trong các ngành sản xuất, nông nghiệp và giao thông vận tải cũng là động lực tăng trưởng cho ngành. Tất cả các sản phẩm trong ngành đều tăng trưởng tốt trong năm 2018, có vài sản phẩm đạt tăng trưởng về sản lượng 2 chữ số.

Trong năm 2018, nước tăng lực tiếp tục là động lực tăng trưởng chính cho ngành hàng đồ uống. "Wake Up 247" là một trong những sản phẩm sáng tạo thành công nhất được Masan tung ra trong những năm gần đây khi doanh thu thuần tăng trưởng kép (CAGR) 2015 - 2018 khoảng 50%. Việc đầu tư xây dựng thương hiệu và mở rộng hệ thống phân phối từ 75.000 điểm bán lẻ năm 2017 lên 160.000 điểm bán lẻ năm 2018 đã giúp doanh thu thuần của nước tăng lực đạt 1.947 tỷ đồng trong năm 2018, tăng gần 60% so với năm 2017. Nhìn chung, ngành đồ uống (bao gồm nước đóng chai và nước tăng lực) đạt doanh thu thuần 2.789 tỷ đồng trong năm 2018, tăng 36% so với năm 2017. Ngoài ra, nước khoáng cao cấp "Vivant" được tung ra vào tháng 10 năm 2018 cũng sẽ trở thành động lực tăng trưởng quan trọng trong phân khúc nước đóng chai trong tương lai gần.



NGÀNH THỊT CHẾ BIẾN

Do người tiêu dùng có nhu cầu các sản phẩm thực phẩm cao hơn chất lượng hơn như khẩu vị, dinh dưỡng và mức giá hợp lý, điều này được thể hiện trong việc tăng lượng tiêu thụ thịt và hải sản trong ẩm thực Việt. Người tiêu dùng cũng đang bắt đầu thử các loại thực phẩm chế biến sẵn và cởi mở thử ẩm thực từ các nước phương Tây hay các nước châu Á phát triển như Nhật Bản và Hàn Quốc, và vì vậy quan tâm đến cách thức ăn thịt mới. Tuy nhiên, đối với mặt hàng thịt và hải sản chế biến được bán thông qua kênh bán lẻ tại Việt Nam thì vẫn chưa đa dạng bằng thực phẩm bán tại các tiệm ăn. Do đó, người tiêu dùng sẽ mong chờ các sản phẩm thịt và hải sản chế biến với hương vị và cách thức nấu đa dạng, còn các nhà sản xuất sẽ cần phải đưa ra nhiều phát kiến phát triển sản phẩm để đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng này.

Doanh thu thuần của thịt chế biến của Masan đạt 210 tỷ đồng trong năm 2018, giảm 5% so với năm 2017, chủ yếu do sự chậm trễ trong việc thành lập liên doanh với Jinju Ham - một trong những công ty hàng đầu trong ngành thịt chế biến tại Hàn Quốc. Trong quý 4 năm 2018, Masan đã ra mắt thị trường sản phẩm Pönnie - xúc xích cao cấp, đây là sản phẩm mới đầu tiên mà Masan và Jinju Ham đồng sản xuất. Trong năm 2019, Masan sẽ đưa ra các phát kiến để phát triển sản phẩm mới, và sẽ có thêm các sản phẩm cao cấp mới với kỳ vọng sẽ thành công khi Masan đang đầu tư để xây dựng một dây chuyền sản xuất mới cho ngành này trong năm 2019.



NGÀNH HÀNG ĐỒ UỐNG

Ngành hàng đồ uống được chia làm hai loại: đồ uống nóng và đồ uống đóng chai. Đồ uống nóng bao gồm cà phê, trà, sô cô la, ngũ cốc và các loại đồ uống nóng khác. Đồ uống đóng chai bao gồm nước đóng chai, nước có gas, nước trái cây pha, nước trái cây ép, cà phê đóng chai, trà đóng chai, thức uống Châu Á, và các loại nước uống thể thao và nước tăng lực.





CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CHÚNG TÔI

Triển vọng kinh doanh của Masan Consumer gắn liền trực tiếp với triển vọng kinh tế của Việt Nam

Triển vọng kinh doanh của chúng tôi gắn liền trực tiếp với triển vọng kinh tế của Việt Nam. Do đó, nếu Việt Nam trải qua một cuộc suy thoái kinh tế, điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến Công ty.

Những công ty con và công ty liên kết của Masan Consumer hoạt động trong các ngành hàng phải đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ và vị trí dẫn đầu thị trường của chúng tôi có thể bị lung lay nếu các đối thủ cạnh tranh đạt được những bước tiến quan trọng để giành lấy thị phần

Masan Consumer cạnh tranh chủ yếu dựa vào các yếu tố như hình ảnh thương hiệu, giá cả, mạng lưới phân phối và sự đa dạng của sản phẩm. Thị trường thực phẩm và đồ uống tại Việt Nam sẽ ngày càng cạnh tranh khốc liệt hơn khi có nhiều thương hiệu và công ty thực phẩm quốc tế nổi tiếng thâm nhập vào thị trường. Sức ép cạnh tranh có thể khiến cho các đối thủ phải gia tăng đáng kể chi phí dành cho quảng cáo và các hoạt động khuyến mãi, hoặc thực hiện các hành vi định giá bất hợp lý. Masan Consumer có thể buộc phải đầu tư nhiều hơn vào hoạt động nghiên cứu và phát triển, cũng như các chương trình khuyến mãi và tiếp thị. Những khoản chi này

có thể khiến tỷ suất lợi nhuận giảm sút và do đó ảnh hưởng bất lợi đến kết quả hoạt động của chúng tôi.

Chi phí của Masan Consumer có thể gặp biến động

Khối lượng sản xuất của chúng tôi và chi phí sản xuất phụ thuộc vào khả năng của chúng tôi trong việc duy trì nguồn cung ổn định và đầy đủ nguyên liệu (bao gồm cả dầu ăn, cá, đậu tương, nước mắm nguyên liệu, ớt, bột mì, đường và ngũ cốc) và vật liệu đóng gói cho các sản phẩm của chúng tôi với mức giá có thể chấp nhận được. Nguyên liệu được chúng tôi mua ở Việt Nam và nhập khẩu từ nước ngoài thông qua các công ty trung gian. Mặc dù chúng tôi mua nguyên liệu từ nhiều nhà cung cấp và không lệ thuộc vào bất kỳ nhà cung cấp duy nhất nào, chúng tôi không đảm bảo rằng tình trạng thiếu hụt nguyên liệu sẽ không xảy ra. Nếu chúng tôi không có được đầy đủ nguyên liệu cả về lượng cũng như chất mà chúng tôi yêu cầu, hoặc với mức giá hoặc các điều khoản khác mà chúng tôi có thể chấp nhận, chất lượng sản phẩm, sản lượng sản xuất cũng như doanh thu của chúng tôi sẽ bị ảnh hưởng xấu.

Ngoài ra, giá nguyên liệu có thể biến động do ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài như điều kiện thời tiết, môi trường, biến động giá cả hàng hóa, tiền tệ và những thay đổi trong chính sách của Nhà nước liên quan tới lĩnh vực nông nghiệp. Nếu chúng tôi không thể quản lý các chi phí này cũng như tăng giá bán các

sản phẩm của chúng tôi lên tương ứng thì hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như triển vọng của chúng tôi sẽ bị ảnh hưởng bất lợi và đáng kể.

Masan Consumer phụ thuộc vào khả năng duy trì các hoạt động tuyển dụng hoặc giữ chân nhân viên có trình độ phù hợp với các vị trí quản lý then chốt của mình

Mặc dù Masan Consumer không phụ thuộc vào bất kỳ một thành viên riêng lẻ nào trong Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát hoặc đội ngũ quản lý cấp cao, nhưng sự thành công của Masan Consumer phụ thuộc đáng kể vào kỹ năng, trình độ, nỗ lực, cũng như khả năng tuyển dụng và giữ chân họ cùng những nhân viên giỏi khác. Do sự cạnh tranh khốc liệt tại Việt Nam, chúng tôi phải thường xuyên đối mặt với nhiều thách thức trong việc tuyển dụng và giữ chân đủ số lượng chuyên viên giỏi. Sự thiếu hụt nhân sự chủ chốt có thể gây ra ảnh hưởng bất lợi đối với hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Masan Consumer.

Chúng tôi phụ thuộc vào mạng lưới phân phối đã có sẵn

Chúng tôi dựa rất nhiều vào quan hệ với mạng lưới các nhà phân phối để tiêu thụ sản phẩm. Trong trường hợp các công ty đối thủ của chúng

tôi chào mời các điều kiện thuận lợi hơn hoặc các ưu đãi lớn hơn cho các nhà phân phối của chúng tôi, các nhà phân phối này có thể lựa chọn chấm dứt các hợp đồng phân phối với chúng tôi. Trong trường hợp quan hệ của chúng tôi với số lượng lớn các nhà phân phối bị xấu đi do các hành động của các công ty đối thủ, tình hình kinh doanh, tài chính, kết quả hoạt động và triển vọng của Công ty sẽ bị ảnh hưởng.

Doanh thu của Masan Consumer phụ thuộc vào hình ảnh thương hiệu

Masan Consumer luôn phấn đấu để giữ hình ảnh là một công ty thành công, mang lại giá trị tích cực cho cộng đồng và có nhiều hoài bão lớn. Tuy nhiên, những sự kiện không mong muốn có thể xảy ra và gây ảnh hưởng đến hình ảnh của chúng tôi, chẳng hạn như bị đối thủ cạnh tranh không lành mạnh. Hình ảnh thương hiệu của chúng tôi có thể ảnh hưởng lớn đến doanh số, và chúng tôi có thể bị lỗ do doanh thu giảm và các chi phí khác nhằm củng cố lại thương hiệu.

Chúng tôi có thể không thành công trong việc phát triển sản phẩm mới

Chúng tôi có một đội ngũ nghiên cứu và phát triển sản phẩm nội bộ, dành toàn thời gian cho việc phát triển sản phẩm mới và các phiên bản của những sản phẩm hiện có.

Cụ thể, chúng tôi tập trung vào việc tạo nên những sản phẩm sáng tạo, tốt cho sức khỏe, giá cả hợp lý và tiện dụng. Việc phát triển và ra mắt sản phẩm mới có thể đòi hỏi chi phí đáng kể, bao gồm chi phí quản lý, sản xuất và tiếp thị cao hơn.

Một sản phẩm mới được chấp nhận trên thị trường hay không phụ thuộc phần lớn vào khả năng của chúng tôi trong việc đáp ứng thành công các nhu cầu của thị trường, khẩu vị và nhu cầu dinh dưỡng của người tiêu dùng. Chúng tôi không thể đảm bảo thị trường sẽ chấp nhận mọi sản phẩm mới mà chúng tôi sản xuất. Nếu các sản phẩm không thành công, chúng tôi sẽ không thể lấy lại được chi phí nghiên cứu và phát triển đã bỏ ra và điều này sẽ có tác động xấu đến việc kinh doanh của chúng tôi, điều kiện tài chính, kết quả vận hành và các viễn cảnh khác.

Chúng tôi phải đối mặt với rủi ro xảy ra tình trạng nhiễm bẩn sản phẩm và bất kỳ vụ nhiễm bẩn nào như vậy sẽ khiến chúng tôi có nguy cơ bị khiếu nại về trách nhiệm đối với sản phẩm

Nhiễm bẩn là một rủi ro vốn có trong ngành thực phẩm và đồ uống. Mặc dù chúng tôi đã nỗ lực hết sức, bao gồm cả việc kiểm tra thường xuyên tại nhà máy sản xuất và kiểm tra thường xuyên nguyên vật liệu, chúng tôi không thể hoàn toàn loại trừ nguy cơ nhiễm bẩn. Không phải tất cả các quá trình xử lý của chúng tôi hoàn toàn tự động, do đó làm tăng nguy cơ lỗi

của con người, và do đó cũng có khả năng tăng nguy cơ ô nhiễm. Do vậy, chúng tôi có thể bị khiếu nại liên quan đến tình trạng nhiễm bẩn sản phẩm và có thể phải thu hồi sản phẩm hoặc rút khỏi thị trường, điều đó có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của chúng tôi. Mặc dù không có chính sách trách nhiệm sản phẩm được công nhận tại Việt Nam, chúng tôi không thể đảm bảo rằng chúng tôi sẽ không phải đối mặt với khiếu nại hoặc kiện tụng về sự an toàn và chất lượng của các sản phẩm của chúng tôi.

Sự mở rộng vào thị trường In-land ASEAN không chắc chắn thành công

Thông qua quan hệ đối tác với Singha, Masan muốn tung sản phẩm của mình ở Thái Lan và cuối cùng mở rộng sang các thị trường lân cận trong khu vực In-land ASEAN. Cho dù đây là một cơ hội để chúng tôi mở rộng và tăng trưởng trong một thị trường to lớn hơn, chúng tôi không thể đảm bảo việc chúng tôi sẽ thành công tại thị trường này vì đây là sự khởi đầu của một nhiệm vụ đầy thử thách.



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	2018	2017
Đơn vị triệu đồng	Kiểm toán	Kiểm toán
Doanh thu gộp	17.290.254	13.422.927
Các khoản giảm trừ	(283.778)	(209.286)
Doanh thu thuần	17.006.476	13.213.640
Giá vốn hàng bán	(9.388.082)	(7.181.059)
Lợi nhuận gộp	7.618.393	6.032.581
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	(4.078.103)	(3.734.884)
Thu nhập tài chính	550.227	456.988
Chi phí tài chính	(182.528)	(135.643)
Phần lãi trong một công ty liên kết	5.318	5.318
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.913.307	2.624.362
Kết quả từ các hoạt động khác	(18.902)	2.394
Lợi nhuận trước thuế	3.894.405	2.621.968
Thuế	(496.926)	(375.970)
Lợi nhuận sau thuế	3.397.479	2.245.998
Phân bổ		
Cổ đông không kiểm soát	30.390	114.150
CHỦ SỞ HỮU CỦA CÔNG TY	3.367.089	2.131.848

	31/12/2018	31/12/2017
Đơn vị triệu đồng	Kiểm toán	Kiểm toán
TÀI SẢN NGẮN HẠN	3.633.456	5.793.076
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.669.120	4.235.913
Đầu tư tài chính ngắn hạn	251.200	154.259
Phải thu thuần từ hoạt động kinh doanh	441.229	309.526
Phải thu khác	17.051	38.698
Hàng tồn kho	1.215.429	1.010.974
Tài sản ngắn hạn khác	39.427	43.706
TÀI SẢN DÀI HẠN	13.419.349	11.851.981
Các khoản phải thu dài hạn	8.205.003	6.237.572
Tài sản cố định	4.077.188	4.412.933
TSCĐ hữu hình	3.087.400	3.241.037
TSCĐ vô hình	989.788	1.171.896
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230.564	252.152
Đầu tư tài chính dài hạn	249.392	249.392
Tài sản dài hạn khác	657.202	699.931
TỔNG TÀI SẢN	17.052.805	17.645.057

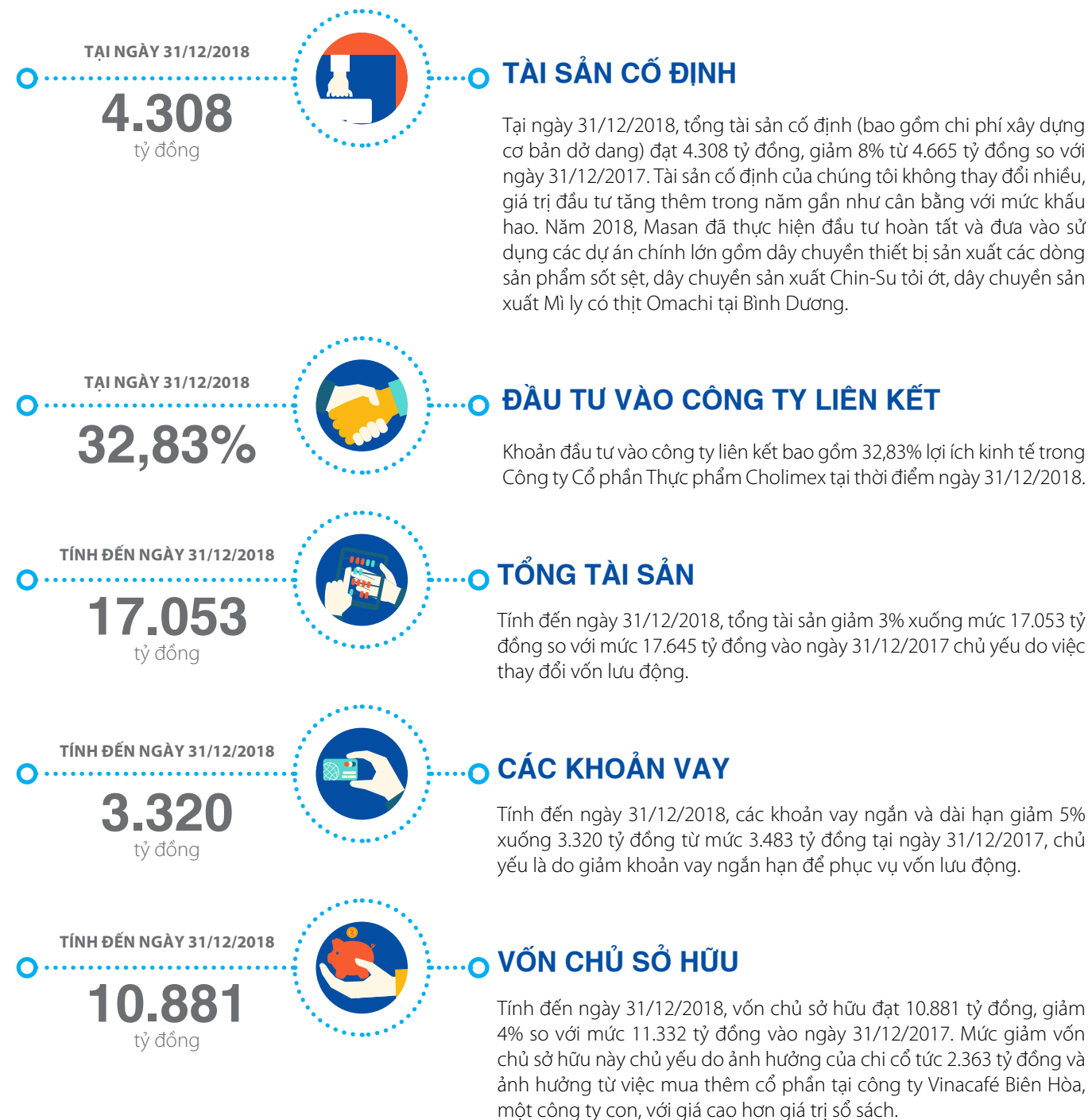


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

	31/12/2018	31/12/2017
Đơn vị triệu đồng	Kiểm toán	Kiểm toán
NỢ NGẮN HẠN	5.917.950	5.947.096
Vay và nợ ngắn hạn	3.279.081	3.387.678
Phải trả người bán	996.133	801.574
Người mua trả tiền trước	48.884	35.712
Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	283.813	224.312
Phải trả người lao động	286	25
Chi phí phải trả	1.267.089	893.632
Các khoản phải trả, phải nộp khác	42.663	604.164
NỢ DÀI HẠN	253.643	366.133
Vay và nợ dài hạn	41.142	95.998
Nợ dài hạn khác	212.501	270.135
NỢ PHẢI TRẢ	6.171.593	6.313.229
VỐN CHỦ SỞ HỮU	10.881.212	11.331.827
Vốn cổ phần	6.279.291	5.431.328
Thặng dư vốn cổ phần	4.292.501	5.088.056
Vốn khác của chủ sở hữu	(265.776)	(265.776)
Cổ phiếu quỹ	(1.640.253)	(1.640.253)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.398	2.951
Quỹ đầu tư phát triển	22.732	22.732
Lợi nhuận chưa phân phối	1.962.584	2.226.022
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	224.734	466.766
TỔNG NGUỒN VỐN	17.052.805	17.645.057

	31/12/2018	31/12/2017
Hệ số thanh toán hiện thời	0,6x	1,0x
Hệ số thanh toán nhanh	0,4x	0,8x
Tổng Nợ/EBITDA	0,8x	1,2x
Tổng Nợ/Tổng tài sản	0,19x	0,2x
Vòng quay tồn kho	8,4x	8,3x
Số ngày tồn kho (ngày)	47	51
Hệ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	30,3%	18,3%
Hệ số lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)	19,6%	12,7%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	99,73%	74,89%
Biên lợi nhuận thuần	20,0%	17,0%
Biên EBIT	20,8%	17,4%
Biên EBITDA	25,1%	22,8%



Trong năm 2019, Masan Consumer sẽ tiếp tục phát huy thành công trong việc thay đổi toàn diện mô hình kinh doanh và cách thức hoạt động, với nhiệm vụ tăng trưởng doanh số và xây dựng các mối quan hệ “win-win” với các nhà cung cấp và phân phối. Điều này đã giúp cho Masan có kết quả kinh doanh tăng trưởng vượt bậc hơn và đảm bảo tăng trưởng bền vững trong trung hạn cho lĩnh vực thực phẩm và đồ uống. Năm 2019, Masan Consumer tập trung vào việc cao cấp hóa ngành hàng chủ lực như gia vị và thực phẩm tiện lợi đồng thời nhằm tới tăng trưởng liên tục mảng kinh doanh thức uống thông qua nhóm sản phẩm nước uống tăng lực. Chúng tôi cũng rất kỳ vọng với triển vọng phát triển mảng kinh doanh sản phẩm thịt chế biến và mong chờ kết quả khả quan từ liên doanh của chúng tôi với đối tác Jinju Ham Hàn Quốc.

Thêm vào đó, chúng tôi tiếp tục tối ưu hóa việc quản lý chi phí bán hàng và chi phí quản lý (SG&A) để nâng cao lợi nhuận, lành mạnh dòng tiền cho phép chúng

tôi xây dựng các thương hiệu mạnh. Chúng tôi cam kết xây dựng thương hiệu mạnh như một phần nỗ lực của chúng tôi để đảm bảo mô hình kinh doanh giảm “bán hàng hóa” mà thay vào đó là xây dựng thương hiệu gia tăng nhu cầu của người tiêu dùng. Mức lợi nhuận có thể bị ảnh hưởng bởi chi phí đầu vào cao hơn dự tính. Tuy nhiên, thông qua nền tảng nghiên cứu và phát triển đưa ra các phát kiến giúp chúng tôi nhắm đến việc giảm chi phí chuyển đổi và chi phí đầu vào để giảm áp lực giá mua. Thêm vào đó, khả năng thực thi nghiệp vụ tốt của chúng tôi sẽ giúp giảm thiểu chi phí gián tiếp và vận chuyển hàng hóa, từ đó giúp gia tăng biên lợi nhuận trước thuế.

Với những thông tin này, Masan Consumer dự báo sẽ tăng trưởng doanh thu 20% - 31% trong năm 2019, với lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông của Công ty tăng 20% đến 25% do việc thành công trong việc xây dựng thương hiệu mạnh, cao cấp hóa sản phẩm, và giới thiệu các sản phẩm mới.

	(Tỷ đồng)		Thực hiện 2018	Tỷ lệ tăng trưởng	
	Kế hoạch 2019	Cao		Thấp	Cao
Doanh thu thuần	20.400	22.300	17.006	20%	31%
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông của Công ty (VAS)	4.050	4.200	3.367	20%	25%





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số

0302017440

ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 14 tháng 9 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Công Thắng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đăng Quang	Thành viên
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên
Ông Nguyễn Thiếu Quang	Thành viên
Ông Danny Le	Thành viên (từ ngày 24 tháng 4 năm 2018)
Ông Hồ Hùng Anh	Thành viên (đến ngày 12 tháng 4 năm 2018)
Ông Seokhee Won	Thành viên (đến ngày 27 tháng 2 năm 2018)

Ban Giám đốc

Ông Trương Công Thắng	Tổng Giám đốc (từ ngày 28 tháng 2 năm 2018)
Ông Seokhee Won	Tổng Giám đốc (đến ngày 27 tháng 2 năm 2018)
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đình Toại	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đinh Kim Nhung	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 26 tháng 2 năm 2019)

Trụ sở đăng ký

Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon
39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 66 đến trang 117 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trương Công Thắng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI CÁC CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 66 đến trang 117.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KPMG TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VIỆT NAM

Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00557-19-2



Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 3 năm 2019

Chang Hung Chun

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 - DN/HNBan hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HNBan hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.633.456.428.858	5.793.075.753.348
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	1.669.119.982.526	4.235.913.074.249
Tiền	111		114.319.982.526	82.888.074.249
Các khoản tương đương tiền	112		1.554.800.000.000	4.153.025.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		251.200.000.000	154.258.720.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	251.200.000.000	154.258.720.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		458.279.877.556	348.223.852.227
Phải thu của khách hàng	131	8	291.484.778.821	261.094.359.738
Trả trước cho người bán	132		149.743.969.504	48.438.835.310
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	17.051.129.231	38.698.246.885
Dự phòng phải thu khó đòi	137	10	-	(7.589.706)
Hàng tồn kho	140	11	1.215.429.352.783	1.010.974.147.574
Hàng tồn kho	141		1.263.207.672.163	1.017.930.397.608
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(47.778.319.380)	(6.956.250.034)
Tài sản ngắn hạn khác	150		39.427.215.993	43.705.959.298
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		14.874.603.168	17.450.908.457
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		22.820.844.999	23.128.636.709
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.731.767.826	3.126.414.132

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		13.419.348.774.861	11.851.980.806.425
Các khoản phải thu dài hạn	210		8.205.002.665.275	6.237.572.225.813
Phải thu về cho vay dài hạn	215	12	7.433.716.876.592	5.896.716.876.592
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	771.285.788.683	340.855.349.221
Tài sản cố định	220		4.077.188.360.222	4.412.933.243.930
Tài sản cố định hữu hình	221	13	3.087.400.141.923	3.241.037.214.968
<i>Nguyên giá</i>	222		5.519.548.816.735	5.230.319.735.557
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.432.148.674.812)	(1.989.282.520.589)
Tài sản cố định vô hình	227	14	989.788.218.299	1.171.896.028.962
<i>Nguyên giá</i>	228		2.060.208.191.558	2.103.301.612.207
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.070.419.973.259)	(931.405.583.245)
Tài sản dở dang dài hạn	240		230.563.818.314	252.152.223.620
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	230.563.818.314	252.152.223.620
Đầu tư tài chính dài hạn	250		249.391.858.906	249.391.858.906
Đầu tư vào một công ty liên kết	252	7(b)	249.391.858.906	249.391.858.906
Tài sản dài hạn khác	260		657.202.072.144	699.931.254.156
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	165.907.440.337	190.950.225.630
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	204.359.878.763	153.245.522.534
Lợi thế thương mại	269	18	286.934.753.044	355.735.505.992
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		17.052.805.203.719	17.645.056.559.773

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		6.171.592.731.916	6.313.229.100.033
Nợ ngắn hạn	310		5.917.949.750.813	5.947.095.673.192
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	996.132.919.346	801.573.550.158
Người mua trả tiền trước	312		48.883.742.075	35.712.183.790
Thuế phải nộp Nhà nước	313	20	283.813.387.948	224.311.703.039
Phải trả người lao động	314		286.388.185	24.501.018
Chi phí phải trả	315	21	1.267.088.936.129	893.632.037.512
Phải trả ngắn hạn khác	319	22(a)	19.702.381.860	581.121.178.228
Vay ngắn hạn	320	23(a)	3.279.081.068.531	3.387.677.592.708
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		22.960.926.739	23.042.926.739
Nợ dài hạn	330		253.642.981.103	366.133.426.841
Phải trả người bán dài hạn	331	19	36.330.147.040	78.525.018.000
Phải trả dài hạn khác	337	22(b)	20.101.628.673	20.821.499.726
Vay dài hạn	338	23(b)	41.142.136.776	95.998.319.156
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	17	140.455.807.864	157.986.259.876
Dự phòng phải trả dài hạn	342		15.613.260.750	12.802.330.083
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		10.881.212.471.803	11.331.827.459.740
Vốn chủ sở hữu	410	24	10.881.212.471.803	11.331.827.459.740
Vốn cổ phần	411	25	6.279.291.230.000	5.431.327.770.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		6.279.291.230.000	5.431.327.770.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	25	4.292.501.204.992	5.088.056.394.992
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(265.775.657.006)	(265.775.657.006)
Cổ phiếu quỹ	415	25	(1.640.252.631.255)	(1.640.252.631.255)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		5.398.307.899	2.951.013.886
Quỹ đầu tư phát triển	418		22.731.972.844	22.731.972.844
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.962.584.222.892	2.226.022.362.372
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	93.929.785.879
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1.962.584.222.892	2.132.092.576.493
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		224.733.821.437	466.766.233.907
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		17.052.805.203.719	17.645.056.559.773

Ngày 7 tháng 3 năm 2019

Người lập: 


Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Huỳnh Việt Thăng
Quyển Giám đốc Tài chính


Trương Công Thắng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	17.290.253.757.722	13.422.926.705.427
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	283.778.144.765	209.286.432.011
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	28	17.006.475.612.957	13.213.640.273.416
Giá vốn hàng bán	11	29	9.388.082.263.631	7.181.058.837.278
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		7.618.393.349.326	6.032.581.436.138
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	550.227.206.305	456.988.463.034
Chi phí tài chính	22	31	182.528.190.256	135.642.808.146
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		180.421.924.187	131.876.543.711
Phần lãi trong một công ty liên kết	24		5.318.434.000	5.318.434.000
Chi phí bán hàng	25	32	3.284.879.798.663	3.013.408.048.716
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	793.223.583.936	721.475.937.145
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		3.913.307.416.776	2.624.361.539.165
Thu nhập khác	31		622.448.279	1.340.161.739
Chi phí khác	32		19.524.646.870	3.734.128.540
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(18.902.198.591)	(2.393.966.801)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.894.405.218.185	2.621.967.572.364
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	565.570.608.804	398.411.246.861
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	34	(68.644.808.241)	(22.441.350.578)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		3.397.479.417.622	2.245.997.676.081

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 02 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang sang từ trang trước)	60		3.397.479.417.622	2.245.997.676.081
Phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Công ty	61		3.367.089.339.533	2.131.847.621.907
Cổ đông không kiểm soát	62		30.390.078.089	114.150.054.174
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	5.549	3.548

Ngày 7 tháng 3 năm 2019

Người lập: 

Người duyệt: 


Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán trưởng


Huỳnh Việt Thăng
Quyền Giám đốc Tài chính


Trương Công Thắng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

	Mã số	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	3.894.405.218.185	2.621.967.572.364
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	685.883.152.709	674.245.273.989
Các khoản dự phòng	03	77.111.027.113	30.761.091.598
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(131.172.203)	465.899.740
Lỗi từ thanh lý và xóa sổ tài sản cố định	05	14.496.001.037	2.012.204.594
Thu nhập lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(546.923.962.024)	(453.172.625.151)
Lợi nhuận được chia từ một công ty liên kết	05	(5.318.434.000)	(5.318.434.000)
Chi phí lãi vay	06	180.421.924.187	131.876.543.711
Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	4.299.943.755.004	3.002.837.526.845
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(20.673.206.465)	(39.021.357.334)
Biến động hàng tồn kho	10	(278.755.301.655)	(322.145.799.020)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	571.272.430.854	(17.270.444.352)
Biến động chi phí trả trước	12	31.856.346.083	35.077.038.825
		4.603.644.023.821	2.659.476.964.964
Tiền lãi vay đã trả	14	(178.714.103.145)	(128.967.211.624)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(525.263.590.831)	(417.362.885.649)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(82.000.000)	(196.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	3.899.584.329.845	2.112.950.267.691
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(419.735.286.269)	(489.808.473.401)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	2.645.551.428	1.848.263.994
Tiền chi cho vay	23	(4.637.000.000.000)	(5.920.405.000.000)
Tiền thu hồi các khoản cho vay	24	3.100.000.000.000	500.000.000.000
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư khác	23	(756.211.720.000)	(3.173.376.720.000)
Rút tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và các khoản đầu tư khác	24	659.270.440.000	4.752.066.841.175
Tiền chi mua lại lợi ích cổ đông không kiểm soát trong một công ty con	25	(1.612.925.442.493)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	146.796.478.068	255.682.931.659
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(3.517.159.979.266)	(4.073.992.156.573)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

	Mã số	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	52.408.270.000	49.726.600.000
Tiền thu từ vốn góp vào một công ty con bởi cổ đông không kiểm soát	31	76.343.325.699	-
Tiền chi mua lại cổ phiếu tại một công ty con	32	-	(247.200.000)
Tiền thu từ các khoản vay ngân hàng	33	13.076.955.605.131	7.798.314.906.822
Tiền trả nợ gốc vay cho ngân hàng	34	(13.240.408.311.688)	(7.412.453.959.741)
Tiền chi trả cổ tức	36	(2.916.727.251.200)	(1.157.089.232.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(2.951.428.362.058)	(721.748.885.419)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(2.569.004.011.479)	(2.682.790.774.301)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	4.235.913.074.249	6.914.244.921.330
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	1.991.773.485	4.369.156.614
Chênh lệch quy đổi tỷ giá hối đoái	61	219.146.271	89.770.606
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 6)	70	1.669.119.982.526	4.235.913.074.249

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH

	2018 VND	2017 VND
Cấn trừ cổ tức phải trả với khoản cho vay phải thu từ công ty mẹ	-	1.187.405.000.000

Ngày 7 tháng 3 năm 2019

Người lập: 


Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Huỳnh Việt Thăng
Quyển Giám đốc Tài chính



Trương Công Thắng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") và lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

(b) Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là mua bán thực phẩm; mua bán đồ uống không cồn và nước khoáng; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại và hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ("SKHĐT") cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO (TIẾP THEO)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn có 3 công ty con sở hữu trực tiếp, 13 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2018: 3 công ty con sở hữu trực tiếp, 13 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết). Thông tin về các công ty con và công ty liên kết được mô tả như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
			31/12/2018	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018
Các công ty con sở hữu trực tiếp						
Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
Masan Consumer (Thailand) Limited ("MTH")	Kinh doanh và phân phối	Số 83, Lầu 4, Đường Amnuay Songkhram, Tiểu khu Tanon Nakornchaisri, Quận Dusit, Bangkok, Thái Lan.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
Các công ty con sở hữu gián tiếp						
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	(i) Sản xuất gia vị	Lô III-10, Đường số 1, Nhóm Công nghiệp III, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Masan PQ (trước đây là Công ty Cổ phần Ma San PQ)	(i) Sản xuất gia vị	Tổ 1, Ấp Suối Đá, Xã Dương Tơ, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD	(i) Sản xuất thực phẩm tiện lợi	Lô 22, Khu Công nghiệp Đại An, Phường Tứ Minh, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%

Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
			31/12/2018	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018
Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Khu B, Khu Công nghiệp Nam Cấm, Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Khu Công nghiệp Sóng Hậu, Xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Masan JinJu (trước đây là Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn)	(i) Sản xuất và kinh doanh thực phẩm tiện lợi	Nhà xưởng F5, Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	74,99%	99,99%	74,99%	99,99%
Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngư Phú Quốc	(i) Sản xuất gia vị	Tổ 1, Ấp Suối Đá, Xã Dương Tơ, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	(ii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	98,49%	68,46%	98,49%	68,46%
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	(ii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống và bao bì	Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.	88,56%	88,56%	88,56%	88,56%
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha	(iii) Sản xuất đồ uống	Km 37, Xa lộ 27, Thị trấn Tân Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.	88,55%	88,55%	99,99%	99,99%
Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh	(ii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Nhóm 3A, Khu 4, Suối Mỡ, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.	65,85%	65,85%	65,85%	65,85%
Công ty Cổ phần Café De Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN)	(iv) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Lô C.III-3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tâm An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	83,72%	58,19%	85%	85%
Một công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	(i) Sản xuất và kinh doanh gia vị	Lô C40 - 43/1, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	32,83%	32,83%	32,83%	32,83%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

- (i) Các công ty con này và công ty liên kết được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (“MSF”).
- (ii) Các công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage (“MSB”).
- (iii) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo.
- (iv) Công ty Cổ phần Café De Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN) được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa.

MTH được thành lập tại Thái Lan. Tất cả các công ty con khác và công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn có 4.418 nhân viên (1/1/2018: 4.382 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu đã kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của các công ty con đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi tỷ lệ lợi ích nắm giữ của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu được từ hoặc chi cho giao dịch này được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả từ việc áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 202”), các chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dùng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu có sự ảnh hưởng đáng kể cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ trường hợp các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch, số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được loại trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

(vi) Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất thỏa mãn định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 - Hợp nhất kinh doanh và trong việc chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 - Trình bày báo cáo tài chính. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty bị mua được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện hữu dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được mua được xem như là sự phân phối cho hoặc góp vốn từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Từ 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả của việc áp dụng Thông tư 202, những chênh lệch này được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn để cập trong báo cáo này dưới góc độ nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát hoặc từ lúc các công ty được hợp nhất vào ngày sau ngày bắt đầu của năm báo cáo gần nhất, cho giai đoạn từ ngày hợp nhất đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng.

(vii) Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được ở thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của đơn vị bị mua được hợp nhất sử dụng giá trị hợp lý. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn để đổi quyền kiểm soát đơn vị bị mua tại ngày trao đổi và các chi phí giao dịch. Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và lợi ích của Tập đoàn trong phần giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và khoản nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn, mà Tập đoàn phát sinh khi hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như phí dịch vụ chuyên môn trả cho kế toán, tư vấn pháp lý, thẩm định giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí khi phát sinh.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Vốn góp của chủ sở hữu được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn. Lỗ lũy kế được tính toán từ lỗ thuần đã được quy đổi. Doanh thu, thu nhập, chi phí và báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong năm của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài sang VND được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

nhà cửa	4 - 30 năm
nâng cấp tài sản thuê	3 - 5 năm
thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
máy móc và thiết bị	3 - 25 năm
phương tiện vận chuyển	3 - 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- » quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thanh toán tiền sử dụng đất;
- » quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- » quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 19 năm đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 4 năm đến 10 năm.

(iii) Quyền khai thác

Chi phí để có được quyền khai thác tài nguyên nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 4 năm đến 30 năm.

(iv) Thương hiệu

Giá mua thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Giá trị hợp lý của thương hiệu mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được ghi nhận là một tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 10 năm đến 20 năm. Giá trị hợp lý của thương hiệu có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng việc chiết khấu các khoản thanh toán tiền bản quyền ước tính có thể tiết kiệm được từ việc sở hữu thương hiệu đó.

(v) Quan hệ khách hàng

Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được vốn hóa và ghi nhận là một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 5 năm đến 15 năm.

(vi) Tài nguyên nước khoáng

Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được vốn hóa và ghi nhận là một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp so sánh trực tiếp hoặc phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn. Phương pháp so sánh trực tiếp ước tính giá trị của tài nguyên nước khoáng tương tự nằm trong cùng khu vực. Phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn là phương pháp định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 10 năm đến 37 năm.

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 42 năm đến 50 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

(ii) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước bao gồm giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển. Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 5 năm (bao gồm chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty, xây dựng trang web...). Giá trị tiềm năng phát triển được đánh giá trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 5 năm. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần).

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được phân bổ.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(n) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu

Biến động vốn chủ sở hữu do hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung và việc mua lại/chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông không kiểm soát mà không dẫn đến việc mất quyền kiểm soát cho giai đoạn trước ngày 1 tháng 1 năm 2015 được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu.

(iii) Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phiếu phổ thông đã phát hành được mua lại, khoản tiền đã trả để mua lại bao gồm chi phí liên quan trực tiếp, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ thuộc vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra cho mục đích tái phát hành, giá vốn của cổ phiếu tái phát hành được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa khoản tiền nhận được và giá vốn của cổ phiếu tái phát hành được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

(o) Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(q) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản cho vay và các hoạt động đầu tư khác, và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay từ các ngân hàng và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hoá chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hoá và ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

Lãi và lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn khi tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và thứ yếu của Tập đoàn lần lượt được lập dựa theo hoạt động kinh doanh và theo khu vực địa lý.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản trực tiếp thuộc về bộ phận đó và các khoản có thể phân bổ vào bộ phận đó một cách hợp lý. Các khoản không được phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản lãi tiền gửi liên quan, các khoản đầu tư và các thu nhập phát sinh liên quan, các khoản vay và các chi phí phát sinh liên quan, tài sản chung của văn phòng chính Công ty, chi phí quản lý doanh nghiệp, tài sản và nợ thuế thu nhập và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuộc về hơn một bộ phận và không thể phân bổ một cách hợp lý vào một bộ phận.

(u) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan để cập tới công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao, các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

4. BÁO CÁO BỘ PHẬN

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn phân loại các bộ phận kinh doanh của Tập đoàn thành bốn bộ phận kinh doanh chính là gia vị, thực phẩm tiện lợi, đồ uống và các bộ phận kinh doanh khác. Các bộ phận kinh doanh khác bao gồm dịch vụ cho thuê nhà kho và khác.

	Gia vị VND	Thực phẩm tiện lợi (*) VND	Đồ uống (*) VND	Khác VND	Hợp nhất VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018					
Tổng doanh thu của bộ phận - thuần	7.067.067.312.590	4.807.915.923.297	5.124.368.362.689	7.124.014.381	17.006.475.612.957
Lợi nhuận gộp của bộ phận	3.569.061.406.429	1.861.740.755.798	2.184.125.405.213	3.465.781.886	7.618.393.349.326
Kết quả kinh doanh của bộ phận	2.476.299.954.784	658.888.450.912	912.573.078.728	3.465.781.886	4.051.227.266.310
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ				(505.618.865.583)	
Doanh thu hoạt động tài chính				550.227.206.305	
Chi phí tài chính				(182.528.190.256)	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				3.913.307.416.776	
Thu nhập khác				622.448.279	
Chi phí khác				(19.524.646.870)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(496.925.800.563)	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				3.397.479.417.622	

	Gia vị VND	Thực phẩm tiện lợi (*) VND	Đồ uống (*) VND	Khác VND	Hợp nhất VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017					
Tổng doanh thu của bộ phận - thuần	5.294.071.048.560	3.833.707.907.972	4.079.256.392.751	6.604.924.133	13.213.640.273.416
Lợi nhuận gộp của bộ phận	2.799.817.614.902	1.555.970.296.881	1.673.487.896.768	3.305.627.587	6.032.581.436.138
Kết quả kinh doanh của bộ phận	1.815.542.378.157	462.679.492.591	363.725.232.242	3.305.627.587	2.645.252.730.577
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ				(342.236.846.300)	
Doanh thu hoạt động tài chính				456.988.463.034	
Chi phí tài chính				(135.642.808.146)	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				2.624.361.539.165	
Thu nhập khác				1.340.161.739	
Chi phí khác				(3.734.128.540)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(375.969.896.283)	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				2.245.997.676.081	

Kết quả kinh doanh của bộ phận là doanh thu thuần của bộ phận trừ giá vốn hàng bán của bộ phận, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trực tiếp thuộc về bộ phận đó và chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp gián tiếp được phân bổ dựa trên cơ sở hợp lý.

Chi phí không phân bổ là chi phí quản lý doanh nghiệp mà Ban Giám đốc Công ty tin rằng không thể phân bổ các chi phí này một cách hợp lý cho từng bộ phận. Những chi phí này phát sinh ở cấp độ Tập đoàn.

(*) Kết quả kinh doanh của bộ phận Thực phẩm tiện lợi và Đồ uống bao gồm phân bổ lợi thế thương mại với số tiền là 68.801 triệu VND (2017: 68.801 triệu VND), khấu hao tài sản cố định vô hình phát sinh từ hợp nhất kinh doanh với số tiền là 99.380 triệu VND (2017: 99.380 triệu VND) và khấu hao giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định hữu hình phát sinh từ hợp nhất kinh doanh với số tiền là 2.304 triệu VND (2017: 18.724 triệu VND) trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

4. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	Gia vị VND	Thực phẩm tiện lợi VND	Đồ uống VND	Hợp nhất VND
Tài sản bộ phận	2.003.154.003.000	1.469.337.297.751	2.403.268.880.343	5.875.760.181.094
Tài sản không phân bổ				11.177.045.022.625
Tổng tài sản				17.052.805.203.719
Nợ phải trả bộ phận	315.923.020.745	527.430.592.405	703.376.472.523	1.546.730.085.673
Nợ phải trả không phân bổ				4.624.862.646.243
Tổng nợ phải trả				6.171.592.731.916
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018				
Chi tiêu vốn	115.570.180.201	231.368.176.184	46.476.952.249	393.415.308.634
Chi tiêu vốn không phân bổ				38.317.354.220
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	222.398.998.845	113.338.250.661	128.262.138.944	463.999.388.450
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ				13.337.032.631
Khấu hao tài sản cố định vô hình, phân bổ lợi thế thương mại và chi phí trả trước dài hạn	4.482.885.314	20.972.494.649	172.885.985.858	198.341.365.821
Khấu hao tài sản cố định vô hình và phân bổ chi phí trả trước dài hạn không phân bổ				52.538.510.527

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	Gia vị VND	Thực phẩm tiện lợi VND	Đồ uống VND	Hợp nhất VND
Tài sản bộ phận	2.121.779.688.936	1.312.938.157.237	2.657.484.292.677	6.092.202.138.850
Tài sản không phân bổ				11.552.854.420.923
Tổng tài sản				17.645.056.559.773
Nợ phải trả bộ phận	162.634.420.955	242.830.882.104	1.247.805.815.031	1.653.271.118.090
Nợ phải trả không phân bổ				4.659.957.981.943
Tổng nợ phải trả				6.313.229.100.033
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Chi tiêu vốn	321.286.774.303	65.252.920.842	50.009.342.633	436.549.037.778
Chi tiêu vốn không phân bổ				60.801.639.940
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	217.942.856.506	92.844.229.662	138.257.042.534	449.044.128.702
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ				14.145.343.771
Khấu hao tài sản cố định vô hình, phân bổ lợi thế thương mại và chi phí trả trước dài hạn	4.920.054.479	15.985.005.807	177.701.447.217	198.606.507.503
Khấu hao tài sản cố định vô hình và phân bổ chi phí trả trước dài hạn không phân bổ				53.347.290.176

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Chi tiết các tài sản không phân bổ và các khoản nợ không phân bổ như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.669.119.982.526	4.235.913.074.249
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn	251.200.000.000	154.258.720.000
Các khoản phải thu ngắn hạn thuần	333.369.724.755	275.936.245.323
Hàng tồn kho	200.926.794.772	130.885.289.948
Tài sản ngắn hạn khác	14.666.691.515	9.478.308.181
Các khoản phải thu dài hạn thuần	8.205.002.665.275	6.237.572.225.813
Tài sản cố định	186.339.598.041	254.612.406.562
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	39.630.909.143	8.309.258.685
Tài sản dài hạn khác	276.788.656.598	245.888.892.162
Tài sản không phân bổ	11.177.045.022.625	11.552.854.420.923
Phải trả người bán ngắn hạn	243.874.755.248	131.742.947.085
Người mua trả tiền trước	41.304.326.695	15.951.247.994
Thuế phải nộp Nhà nước	267.692.533.153	215.304.122.304
Phải trả người lao động	70.685.162	16.907.555
Chi phí phải trả	597.424.199.680	632.578.085.243
Phải trả ngắn hạn khác	13.817.133.134	22.702.500.022
Vay ngắn hạn	3.279.081.068.531	3.387.677.592.708
Vay dài hạn	41.142.136.776	95.998.319.156
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	140.455.807.864	157.986.259.876
Nợ phải trả không phân bổ	4.624.862.646.243	4.659.957.981.943

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam và Thái Lan. Hoạt động kinh doanh tại Thái Lan hiện tại là không trọng yếu đối với Tập đoàn.

5. GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

(a) Mua thêm lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa

Trong tháng 2 năm 2018, Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage (“MSB”), một công ty con của Công ty, đã mua thêm 7.982.361 cổ phiếu của Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa (“VCF”) với tổng số tiền là 1.612.925 triệu VND. Do kết quả của giao dịch này, lợi ích vốn chủ sở hữu của Công ty trong VCF đã tăng từ 68,46% lên 98,49%, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	VND
Chi phí mua bằng tiền	1.612.925.442.493
Giá trị ghi sổ tương ứng của tài sản thuần tăng thêm	(311.418.585.035)
Chênh lệch ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 24)	1.301.506.857.458

(b) Vốn góp trong Công ty Cổ phần Masan JinJu (trước đây là Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn) bởi lợi ích cổ đông không kiểm soát

Trong tháng 6 năm 2018, Công ty Cổ phần Masan JinJu (trước đây là Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn) (“SNF”), một công ty con của Công ty, và JinJu Ham Company Limited (“JinJu”) đã ký một hợp đồng, trong đó JinJu đồng ý góp 76.343 triệu VND để đổi lấy 25% lợi ích vốn chủ sở hữu trong SNF. Tại ngày báo cáo, số tiền góp vốn đã được nhận đủ và SNF đã điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh tương ứng. Do kết quả của giao dịch này, lợi ích vốn chủ sở hữu của Công ty trong SNF đã giảm từ 99,99% xuống 74,99%, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	VND
Khoản góp vốn nhận bằng tiền	76.343.325.699
Giá trị ghi sổ tương ứng của tài sản thuần giảm đi	(42.266.450.754)
Chênh lệch ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 24)	34.076.874.945

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền mặt	1.319.699.580	1.296.649.680
Tiền gửi ngân hàng	113.000.282.946	81.591.424.569
Các khoản tương đương tiền	1.554.800.000.000	4.153.025.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	1.669.119.982.526	4.235.913.074.249

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch.

7. ĐẦU TƯ

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn		
♦ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	251.200.000.000	154.258.720.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

7. ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)

(b) Đầu tư vào một công ty liên kết

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và % quyền biểu quyết
Đầu tư vào một công ty liên kết:				
♦ Công ty Cổ phần Thực phẩm CholimeX	2.659.217	32,83%	2.659.217	32,83%
				Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
				249.391.858.906

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Trong năm, Tập đoàn không có giao dịch chủ yếu nào với Công ty Cổ phần Thực phẩm CholimeX ("CLX"). Xem thêm Thuyết minh 1(d) mô tả về hoạt động chính của CLX.

Biến động trong năm của giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào một công ty liên kết của Tập đoàn như sau:

	Công ty Cổ phần Thực phẩm CholimeX VND	
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết tại thời điểm đầu năm		249.391.858.906
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày mua từ công ty liên kết trong năm		5.318.434.000
Cổ tức phải thu từ công ty liên kết liên quan đến giai đoạn sau ngày mua		(5.318.434.000)
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết tại thời điểm cuối năm		249.391.858.906

8. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải thu từ bên thứ ba	172.189.794.069	169.918.577.951
Phải thu từ các bên liên quan	119.294.984.752	91.175.781.787
	291.484.778.821	261.094.359.738

Xem thêm Thuyết minh 36 trình bày chi tiết số dư giữa Tập đoàn và các bên liên quan. Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

9. PHẢI THU KHÁC

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	5.694.530.137	9.545.537.923
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.096.877.250	21.976.745.630
Phải thu khác	7.259.721.844	7.175.963.332
	17.051.129.231	38.698.246.885

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Lãi dự thu từ một bên liên quan (*)	744.335.693.311	335.038.767.569
Ký quỹ, ký cược dài hạn	26.950.095.372	5.816.581.652
	771.285.788.683	340.855.349.221

(*) Khoản phải thu này liên quan đến thu nhập lãi phát sinh từ khoản cho vay Tập đoàn cấp cho một bên liên quan. Xem thêm Thuyết minh 12 và 36 để biết thêm thông tin.

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	7.589.706	1.217.027.357
Sử dụng dự phòng trong năm	(7.589.706)	(1.185.937.651)
Hoàn nhập	-	(23.500.000)
Số dư cuối năm	-	7.589.706

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	46.162.485.789	-	52.156.943.848	-
Nguyên vật liệu	571.181.399.445	(12.384.740.374)	579.492.610.142	(1.166.227.003)
Công cụ và dụng cụ	77.707.709.750	(25.918.601.266)	76.197.364.169	-
Sản phẩm dở dang	93.507.831.475	-	76.069.236.191	-
Thành phẩm	465.386.443.069	(9.474.977.740)	228.837.186.075	(5.783.610.499)
Hàng hóa	9.261.802.635	-	5.177.057.183	(6.412.532)
	1.263.207.672.163	(47.778.319.380)	1.017.930.397.608	(6.956.250.034)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	6.956.250.034	13.103.260.471
Tăng dự phòng trong năm	74.849.185.249	28.838.750.368
Sử dụng dự phòng trong năm	(33.478.027.100)	(33.239.690.202)
Hoàn nhập	(549.088.803)	(1.746.070.603)
Số dư cuối năm	47.778.319.380	6.956.250.034

Trong hàng tồn kho của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có 47.778 triệu VND (1/1/2018: 6.956 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

12. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải thu về cho vay từ một bên liên quan	7.433.716.876.592	5.896.716.876.592

Các khoản phải thu về cho vay dài hạn không có bảo đảm và hưởng lãi suất năm là 6,5% tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 6,5% một năm). Các khoản cho vay này sẽ đến hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2022. Lãi cho vay sẽ được thu vào ngày đến hạn của các khoản cho vay.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa VND	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.436.687.308.233	62.791.110.984	65.778.567.325	3.637.257.479.750	27.805.269.265	5.230.319.735.557
Tăng trong năm	373.927.815	-	-	3.989.491.541	87.652.000	4.451.071.356
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	57.265.283.238	-	3.018.131.266	278.387.799.303	-	338.671.213.807
Chuyển thuần sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	(283.341.705)	-	(283.341.705)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	(49.108.886)	-	(49.108.886)
Thanh lý	(2.261.318.008)	-	(412.849.547)	(33.440.411.855)	(4.369.999.245)	(40.484.578.655)
Xóa sổ	(3.045.088.330)	-	(612.998.925)	(2.201.088.273)	(7.216.999.211)	(13.076.174.739)
Số dư cuối năm	1.489.020.112.948	62.791.110.984	67.770.850.119	3.883.660.819.875	16.305.922.809	5.519.548.816.735
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	306.627.179.424	29.935.955.606	37.472.523.021	1.597.882.447.252	17.364.415.286	1.989.282.520.589
Khấu hao trong năm	76.980.917.065	10.451.709.067	6.850.400.627	380.460.721.351	2.592.672.971	477.336.421.081
Chuyển thuần sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	(48.787.128)	-	(48.787.128)
Thanh lý	(229.902.091)	-	(412.849.547)	(18.547.631.031)	(3.508.551.062)	(22.698.933.731)
Xóa sổ	(2.401.461.583)	-	(612.998.925)	(2.174.096.702)	(6.533.988.789)	(11.722.545.999)
Số dư cuối năm	380.976.732.815	40.387.664.673	43.297.075.176	1.957.572.653.742	9.914.548.406	2.432.148.674.812
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	1.130.060.128.809	32.855.155.378	28.306.044.304	2.039.375.032.498	10.440.853.979	3.241.037.214.968
Số dư cuối năm	1.108.043.380.133	22.403.446.311	24.473.774.943	1.926.088.166.133	6.391.374.403	3.087.400.141.923

Trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 525.507 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 389.228 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, một số tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (1/1/2018: một số tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn và công ty mẹ).

Giá trị còn lại của một số thiết bị tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn là 661 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 11.261 triệu VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Nguyên giá	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Quyền khai thác VND	Thương hiệu VND	Quan hệ khách hàng VND	Tài nguyên nước khoáng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	119.085.818.402	291.102.724.674	117.945.577.348	758.354.816.571	404.114.911.701	412.697.763.511	2.103.301.612.207
Tăng trong năm	-	-	2.765.431.200	-	-	-	2.765.431.200
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	2.137.005.818	-	-	-	-	2.137.005.818
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.069.892.667)	-	-	-	-	(1.069.892.667)
Xóa sổ	-	(490.000.000)	-	-	-	-	(490.000.000)
Khác	-	-	(46.435.965.000)	-	-	-	(46.435.965.000)
Số dư cuối năm	119.085.818.402	291.679.837.825	74.275.043.548	758.354.816.571	404.114.911.701	412.697.763.511	2.060.208.191.558
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	29.862.531.845	98.028.541.320	13.898.704.478	385.228.742.429	352.923.944.341	51.463.118.832	931.405.583.245
Khấu hao trong năm	3.730.881.408	35.131.303.248	3.917.416.004	66.892.868.504	8.138.841.240	21.934.668.276	139.745.978.680
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(241.588.666)	-	-	-	-	(241.588.666)
Xóa sổ	-	(490.000.000)	-	-	-	-	(490.000.000)
Số dư cuối năm	33.593.413.253	132.428.255.902	17.816.120.482	452.121.610.933	361.062.785.581	73.397.787.108	1.070.419.973.259
Giá trị còn lại							
Số dư đầu năm	89.223.286.557	193.074.183.354	104.046.872.870	373.126.074.142	51.190.967.360	361.234.644.679	1.171.896.028.962
Số dư cuối năm	85.492.405.149	159.251.581.923	56.458.923.066	306.233.205.638	43.052.126.120	339.299.976.403	989.788.218.299

Trong nguyên giá tài sản cố định vô hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 12.683 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 12.313 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2018 VND
Số dư đầu năm	252.152.223.620
Tăng trong năm	339.454.944.474
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(338.671.213.807)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(2.137.005.818)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(20.235.130.155)
Số dư cuối năm	230.563.818.314

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Nhà cửa	51.142.314.446	14.065.705.531
Máy móc và thiết bị	170.826.924.213	234.781.043.000
Phần mềm máy vi tính	-	3.246.249.258
Khác	8.594.579.655	59.225.831
	230.563.818.314	252.152.223.620

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Chi phí đất trả trước VND	Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	85.669.355.388	25.074.969.229	80.205.901.013	190.950.225.630
Tăng trong năm	-	-	11.997.376.585	11.997.376.585
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	20.235.130.155	20.235.130.155
Chuyển thuận từ tài sản cố định hữu hình	-	-	234.554.577	234.554.577
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	-	828.304.001	828.304.001
Chuyển thuận từ chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	263.652.504	263.652.504
Thanh lý	-	-	(16.303.154.834)	(16.303.154.834)
Phân bổ trong năm	(2.096.255.810)	(3.134.371.153)	(37.102.517.757)	(42.333.144.720)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá hối đoái	-	-	34.496.439	34.496.439
Số dư cuối năm	83.573.099.578	21.940.598.076	60.393.742.683	165.907.440.337

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	31/12/2018		1/1/2018	
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	114.386.918.462	-	109.894.922.823	-
Chi phí kho vận	22.614.175.812	-	13.788.420.646	-
Chiết khấu thương mại	15.665.716.716	-	6.441.407.777	-
Chi phí khác	34.872.162.934	-	16.263.544.537	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	16.820.904.839	-	6.857.226.751	-
Tài sản cố định hữu hình	-	(2.176.548.351)	-	(2.650.137.072)
Tài sản cố định vô hình	-	(138.279.259.513)	-	(155.336.122.804)
	204.359.878.763	(140.455.807.864)	153.245.522.534	(157.986.259.876)

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	2018 VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	693.961.414.227
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	338.225.908.235
Phân bổ trong năm	68.800.752.948
Số dư cuối năm	407.026.661.183
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	355.735.505.992
Số dư cuối năm	286.934.753.044

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

(a) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	996.132.919.346	996.132.919.346	801.573.550.158	801.573.550.158
Dài hạn	36.330.147.040	36.330.147.040	78.525.018.000	78.525.018.000
	1.032.463.066.386	1.032.463.066.386	880.098.568.158	880.098.568.158

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải thu từ các bên liên quan	21.466.478.463	21.466.478.463	459.181.308	459.181.308

Xem thêm Thuyết minh 36 trình bày chi tiết số dư giữa Tập đoàn và các bên liên quan. Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

20. THUẾ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	1/1/2018 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Khấu trừ/hoàn lại VND	Phân loại lại VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	72.045.746.024	3.168.271.915.841	(630.650.053.670)	(2.519.819.893.449)	720.340.161	90.568.054.907
Thuế xuất nhập khẩu	-	12.356.262.592	(12.356.262.592)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	148.627.947.893	565.570.608.804	(525.263.590.831)	-	(1.275.430.377)	187.659.535.489
Thuế thu nhập cá nhân	2.550.402.744	56.106.348.228	(51.262.402.205)	(2.611.728.667)	-	4.782.620.100
Các loại thuế khác	1.087.606.378	101.152.167.915	(101.436.596.841)	-	-	803.177.452
	224.311.703.039	3.903.457.303.380	(1.320.968.906.139)	(2.522.431.622.116)	(555.090.216)	283.813.387.948

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	614.724.035.713	570.590.834.872
Chi phí kho vận	113.070.879.061	74.505.500.282
Chi phí trưng bày	41.161.828.771	15.855.033.925
Thưởng và lương tháng 13	207.212.703.794	85.716.216.827
Chiết khấu thương mại	78.328.583.580	37.228.040.655
Chi phí nghiên cứu thị trường	15.950.411.147	19.597.265.927
Chi phí lãi vay	10.404.139.017	8.696.317.975
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30.029.665.406	9.293.959.972
Mua hàng chưa nhận hóa đơn	79.962.098.326	15.878.108.053
Chi phí công nghệ thông tin	24.222.864.545	14.910.270.008
Chi phí khác	52.021.726.769	41.360.489.016
	1.267.088.936.129	893.632.037.512

22. PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	10.382.636.512	15.717.691.116
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn nhận được	1.820.079.403	2.817.633.596
Cổ tức phải trả	5.513.547.300	555.872.942.000
Phải trả khác	1.986.118.645	6.712.911.516
	19.702.381.860	581.121.178.228

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn nhận được	20.101.628.673	20.821.499.726

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

23. VAY

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2018		Biến động trong năm		31/12/2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	3.332.821.410.328	3.332.821.410.328	13.076.955.605.131	(13.184.066.174.903)	3.225.710.840.556	3.225.710.840.556
Vay dài hạn đến hạn trả	54.856.182.380	54.856.182.380	53.370.227.975	(54.856.182.380)	53.370.227.975	53.370.227.975
	3.387.677.592.708	3.387.677.592.708	13.130.325.833.106	(13.238.922.357.283)	3.279.081.068.531	3.279.081.068.531

23. VAY (TIẾP THEO)

(a) Vay ngắn hạn (tiếp theo)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Vay ngắn hạn				
♦	Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND 5,3% - 6,3%	138.876.285.706	399.546.993.783
♦	Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	VND 5,1% - 6,7%	3.086.834.554.850	2.933.274.416.545
			3.225.710.840.556	3.332.821.410.328

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018, khoản vay ngân hàng có đảm bảo của Tập đoàn được bảo lãnh bởi Công ty.

(b) Vay dài hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Vay dài hạn	94.512.364.751	150.854.501.536
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(53.370.227.975)	(54.856.182.380)
Hoàn trả sau 12 tháng	41.142.136.776	95.998.319.156

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Vay dài hạn					
♦	Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND 9,3%	2020	94.512.364.751	150.854.501.536

Khoản vay ngân hàng có đảm bảo của Tập đoàn được đảm bảo bằng tài sản cố định của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 550.516 triệu VND (1/1/2018: 615.689 triệu VND).

Trong năm, Tập đoàn đã tuân thủ các điều khoản vay của các khoản vay trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018, Tập đoàn không có khoản nợ gốc và lãi quá hạn nào.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

24. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát ("NCI") VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	5.381.601.170.000	5.088.056.394.992	(265.775.657.006)	(1.640.252.631.255)	(2.253.725.216)	22.731.972.844	2.434.650.312.379	909.680.511.323	11.928.438.348.061
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 25)	49.726.600.000	-	-	-	-	-	-	-	49.726.600.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	2.131.847.621.907	114.150.054.174	2.245.997.676.081
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	-	(2.340.720.526.500)	-	(2.340.720.526.500)
Mua cổ phiếu tại một công ty con	-	-	-	-	-	-	244.954.586	(492.154.586)	(247.200.000)
Cổ tức công bố bởi các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(556.572.186.000)	(556.572.186.000)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	5.204.739.102	-	-	8.996	5.204.748.098
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	5.431.327.770.000	5.088.056.394.992	(265.775.657.006)	(1.640.252.631.255)	2.951.013.886	22.731.972.844	2.226.022.362.372	466.766.233.907	11.331.827.459.740

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát ("NCI") VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	5.431.327.770.000	5.088.056.394.992	(265.775.657.006)	(1.640.252.631.255)	2.951.013.886	22.731.972.844	2.226.022.362.372	466.766.233.907	11.331.827.459.740
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 25)	52.408.270.000	-	-	-	-	-	-	-	52.408.270.000
Phát hành cổ phiếu thưởng (Thuyết minh 25)	795.555.190.000	(795.555.190.000)	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	3.367.089.339.533	30.390.078.089	3.397.479.417.622
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	-	(2.363.097.496.500)	-	(2.363.097.496.500)
Mua thêm NCI (Thuyết minh 5(a))	-	-	-	-	-	-	(1.301.506.857.458)	(311.418.585.035)	(1.612.925.442.493)
Góp vốn vào một công ty con bởi NCI (Thuyết minh 5(b))	-	-	-	-	-	-	34.076.874.945	42.266.450.754	76.343.325.699
Cổ tức công bố bởi một công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(3.270.360.000)	(3.270.360.000)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	2.447.294.013	-	-	3.722	2.447.297.735
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	6.279.291.230.000	4.292.501.204.992	(265.775.657.006)	(1.640.252.631.255)	5.398.307.899	22.731.972.844	1.962.584.222.892	224.733.821.437	10.881.212.471.803

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

25. VỐN CỔ PHẦN, THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN VÀ CỔ PHIẾU QUỸ

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	627.929.123	6.279.291.230.000	543.132.777	5.431.327.770.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	1.640.252.631.255	18.000.000	1.640.252.631.255
Vốn cổ phần hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	609.929.123	6.099.291.230.000	525.132.777	5.251.327.770.000
Thặng dư vốn cổ phần		4.292.501.204.992		5.088.056.394.992

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động trong năm của vốn cổ phần hiện đang lưu hành như sau:

	2018		2017	
	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm - hiện đang lưu hành	525.132.777	5.251.327.770.000	520.160.117	5.201.601.170.000
Phát hành cổ phiếu mới theo mệnh giá bằng tiền	5.240.827	52.408.270.000	4.972.660	49.726.600.000
Phát hành cổ phiếu thưởng (*)	79.555.519	795.555.190.000	-	-
Số dư cuối năm - hiện đang lưu hành	609.929.123	6.099.291.230.000	525.132.777	5.251.327.770.000

(*) Trong tháng 8 năm 2018, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phát hành 79.555.519 cổ phiếu thưởng cho các cổ đông của Công ty. Việc phát hành đã được hoàn tất.

26. CỔ TỨC

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 24 tháng 4 năm 2018 đã quyết định chia cổ tức bằng tiền là 2.363.097 triệu VND (2017: 2.340.721 triệu VND).

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) Cam kết thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Trong vòng 1 năm	127.765.788.160	68.171.420.108
Trong vòng 2 đến 5 năm	75.685.864.262	34.583.920.018
	203.451.652.422	102.755.340.126

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	740.958	17.145.755.322	68.009	1.541.076.916
THB	83.683.037	58.076.027.338	84.093.681	56.931.421.922
		75.221.782.660		58.472.498.838

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	515.280.553.275	34.772.517.932
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	758.931.378.098	59.105.280.099
	1.274.211.931.373	93.877.798.031

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và doanh thu khác, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2018 VND	2017 VND
Tổng doanh thu		
♦ Bán hàng	17.261.137.304.354	13.387.481.139.058
♦ Doanh thu khác	29.116.453.368	35.445.566.369
	17.290.253.757.722	13.422.926.705.427
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
♦ Chiết khấu thương mại	239.691.062.886	119.637.550.845
♦ Hàng bán bị trả lại	44.087.081.879	89.648.881.166
	283.778.144.765	209.286.432.011
Doanh thu thuần	17.006.475.612.957	13.213.640.273.416

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2018 VND	2017 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
♦ Hàng đã bán	9.273.923.412.036	7.101.751.091.727
♦ Giá vốn khác	39.858.755.149	52.215.065.786
♦ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	74.300.096.446	27.092.679.765
	9.388.082.263.631	7.181.058.837.278

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2018 VND	2017 VND
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư khác	131.269.502.036	230.080.756.031
Thu nhập lãi từ khoản cho một bên liên quan vay	409.296.925.742	220.132.965.010
Thu nhập lãi từ các hoạt động đầu tư cho vay khác	6.357.534.246	2.958.904.110
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.116.696.530	3.815.837.883
Thu nhập khác	186.547.751	-
	550.227.206.305	456.988.463.034

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	180.421.924.187	131.876.543.711
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.041.801.876	3.766.264.435
Chi phí khác	64.464.193	-
	182.528.190.256	135.642.808.146

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2018 VND	2017 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	2.128.550.544.726	2.058.692.697.367
Chi phí kho vận	608.104.871.347	510.524.903.640
Chi phí nhân viên	268.328.446.207	271.109.257.566
Chi phí trung bày	162.483.454.654	87.993.128.341
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	41.922.414.884	632.089.617
Chi phí nghiên cứu thị trường	37.646.182.924	49.294.638.984
Chi phí khác	37.843.883.921	35.161.333.201
	3.284.879.798.663	3.013.408.048.716

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	371.230.840.746	234.320.300.793
Phân bổ giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	101.683.757.256	118.104.446.087
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	81.263.158.513	107.771.402.668
Phân bổ lợi thế thương mại	68.800.752.948	68.800.752.948
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.464.630.264	64.799.939.488
Chi phí thuê văn phòng	53.690.994.670	51.183.011.983
Chi phí nghiên cứu và phát triển	15.198.148.028	13.930.816.202
Chi phí khác	54.891.301.511	62.565.266.976
	793.223.583.936	721.475.937.145

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2018 VND	2017 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	566.854.850.985	369.263.690.931
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(1.284.242.181)	29.147.555.930
	565.570.608.804	398.411.246.861
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(68.644.808.241)	(15.811.983.211)
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	-	(6.629.367.367)
	(68.644.808.241)	(22.441.350.578)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	496.925.800.563	375.969.896.283

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.894.405.218.185	2.621.967.572.364
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	778.8 81.043.637	524.393.514.473
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi áp dụng cho các công ty con	(306.861.679.110)	(199.751.491.179)
Ảnh hưởng của phần lãi trong một công ty liên kết	(1.063.686.798)	(1.063.686.798)
Chi phí không được khấu trừ thuế	6.709.833.116	5.211.913.869
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(1.284.242.181)	29.147.555.930
Lỗ tính thuế được sử dụng	-	(213.273.480)
Ảnh hưởng của phân bổ lợi thế thương mại	13.760.150.590	13.760.150.587
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	6.784.381.309	4.485.212.881
	496.925.800.563	375.969.896.283

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20%.

Các công ty con của Công ty được hưởng các mức ưu đãi thuế khác nhau.

(d) Các khoản thuế tiềm ẩn

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền khác nhau, mà các cơ quan này được luật cho phép áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi phạt chậm trả. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

35. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm là 3.367.089 triệu VND (2017: 2.131.848 triệu VND) và số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân gia quyền là 606.742.272 (2017: 600.909.728), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.367.089.339.533	2.131.847.621.907

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2018	2017 (đã điều chỉnh lại)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm - hiện đang lưu hành	525.132.777	520.160.117
Ảnh hưởng của cổ phiếu mới phát hành trong năm	2.469.650	2.370.528
	527.602.427	522.530.645
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng trong năm	79.139.845	78.379.083
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cuối năm - hiện đang lưu hành	606.742.272	600.909.728

Trong tháng 9 năm 2018, Công ty đã phát hành 79.555.519 cổ phiếu phổ thông làm cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu của Công ty.

Cổ phiếu phổ thông phát hành vào đầu năm 2017 và 2018 đã được điều chỉnh để phản ánh cổ phiếu thưởng phát hành trong năm 2018. Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng đã được điều chỉnh lại để phản ánh các cổ phiếu thưởng này.

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2018 VND	2017 VND (đã điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.549	3.548

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

36. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm và tại thời điểm cuối năm, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu và số dư với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch			Phải thu/(phải trả) tại ngày	
		2018 VND	2017 VND	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND	
Công ty mẹ của công ty mẹ						
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Bán hàng hóa Phí quản lý	33.207.236 4.996.948.188	11.187.458 -	- 5.496.643.007	- -	- -
Công ty mẹ						
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Cho vay	4.337.000.000.000	5.420.405.000.000	7.433.716.876.592	5.896.716.876.592	
	Thu hồi khoản cho vay	2.800.000.000.000	-	-	-	
	Thu hồi khoản cho vay thông qua việc cần trừ với cổ tức phải trả	-	1.187.405.000.000	-	-	
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay	409.296.925.742	220.132.965.010	744.335.693.311	335.038.767.569	
	Cổ tức đã phân phối	2.270.686.203.000	2.270.686.203.000	-	-	
	Trả cổ tức bằng tiền	2.270.686.203.000	1.083.281.203.000	-	-	
Công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholime	Cổ tức nhận sau ngày mua	5.318.443.000	5.318.443.000	-	-	
Các bên liên quan khác						
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	Bán hàng hóa	33.680.677	30.145.786	-	-	
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	Bán hàng hóa	2.299.953.474	816.513.690	2.527.369.828	10.614.490	
	Mua hàng hóa	46.151.538.108	1.620.813.794	(20.804.520.370)	(409.681.308)	
	Phí quản lý	25.966.703.930	42.212.820.014	60.624.394.654	46.467.302.338	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch			Phải thu/(phải trả) tại ngày	
		2018 VND	2017 VND	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND	
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery HG	Bán hàng hóa	23.114.838	177.621.475	-	-	
	Mua hàng hóa	55.827.750	55.000.000	-	(49.500.000)	
	Phí quản lý	2.552.138.546	1.733.359.174	2.745.941.875	1.906.695.091	
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery MB	Bán tài sản cố định	19.240.043.103	-	21.164.047.413	-	
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	Bán hàng hóa	52.760.545	58.170.627	-	16.698.000	
	Phí quản lý	5.401.497.275	8.635.272.987	2.821.114.056	8.970.161.887	
Công ty TNHH MNS Feed Tiến Giang (trước đây là Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Tiến Giang)	Bán hàng hóa	-	6.844.745	-	-	
	Phí quản lý	1.413.647.105	1.248.902.868	617.822.920	1.373.793.155	
Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên (trước đây là Công ty TNHH Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Thái Nguyên)	Bán hàng hóa	29696.909	6.516.573	-	-	
	Phí quản lý	1.317.783.118	1.260.197.437	498.242.808	1.386.217.181	
Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long (trước đây là Công ty Liên doanh Dinh dưỡng Thủy sản Quốc tế)	Bán hàng hóa	-	16.924.336	-	-	
	Phí quản lý	1.510.709.543	1.397.436.985	637.208.299	1.537.180.683	

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch			Phải thu/(phải trả) tại ngày	
		2018 VND	2017 VND	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND	
Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang (trước đây là Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Hậu Giang)	Bán hàng hóa	-	1.875.273	-	-	
	Phí quản lý	1.074.951.181	903.161.912	507.005.940	993.478.103	
Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An (trước đây là Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Nghệ An)	Bán hàng hóa	41.116.909	5.953.991	-	-	
	Phí quản lý	1.606.391.239	1.287.824.042	804.869.783	1.416.606.447	
Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An (trước đây là Công ty TNHH Masan Nutri-Farm (N.A))	Bán hàng hóa	14.472.982	15.601.936	-	-	
	Phí quản lý	3.096.357.943	7.652.397.325	986.100.091	6.898.790.674	
Công ty Cổ phần Việt - Pháp Sản xuất Thực ăn Gia súc	Bán hàng hóa	71.593.600	132.675.545	-	-	
	Phí quản lý	10.571.231.250	14.829.590.245	5.131.224.940	15.432.135.658	
Công ty TNHH Một Thành viên Proconco Cán Thơ	Bán hàng hóa	-	17.861.973	-	-	
	Phí quản lý	2.483.411.874	1.781.402.913	1.411.327.932	1.959.543.205	
Công ty TNHH Một Thành viên Con Cò Bình Định	Bán hàng hóa	-	6.469.691	-	-	
	Phí quản lý	1.671.915.669	1.472.308.326	736.957.268	1.619.539.159	
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên	Bán hàng hóa	5.238.000	6.985.391	-	-	
	Phí quản lý	761.002.325	1.079.114.287	34.718.341	1.187.025.716	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch			Phải thu/(phải trả) tại ngày	
		2018 VND	2017 VND	31/12/2018 VND	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science	Phí quản lý	6.247.128.302	-	6.871.841.133	-	-
Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam	Bán hàng hóa	20.766.928	-	7.912.200	-	-
	Bán tài sản cố định	129.833.333	-	-	-	-
	Phí quản lý	1.327.010.547	-	1.459.711.602	-	-
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng Sản Núi Pháo	Bán hàng hóa	1.072.107.209	-	86.225.766	-	-
	Phí quản lý	3.261.776.530	-	3.587.954.183	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam	Bán hàng hóa	2.722.682.431	-	536.350.713	-	-
	Cung cấp dịch vụ	21.818.182	-	-	-	-
Jinju Ham Company Limited	Mua hàng hóa	9.309.912.853	-	(661.958.093)	-	-
	Góp vốn	76.343.325.699	-	-	-	-
Thành viên quản lý chủ chốt	Thủ lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt (*)	49.160.905.351	22.505.992.606	-	-	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018, Tập đoàn có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam theo các điều khoản giao dịch thông thường.

(*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty không nhận khoản thù lao nào cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 2017.

37. SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Trong tháng 1 năm 2019, MSF, một công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty, đã thành lập một công ty con tên là Công ty TNHH Masan Long An ("MLA") theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1101905952 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp. Theo đó, MLA trở thành một công ty con sở hữu gián tiếp bởi Công ty.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

Người lập: 


Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán trưởng

Ngày 7 tháng 3 năm 2019

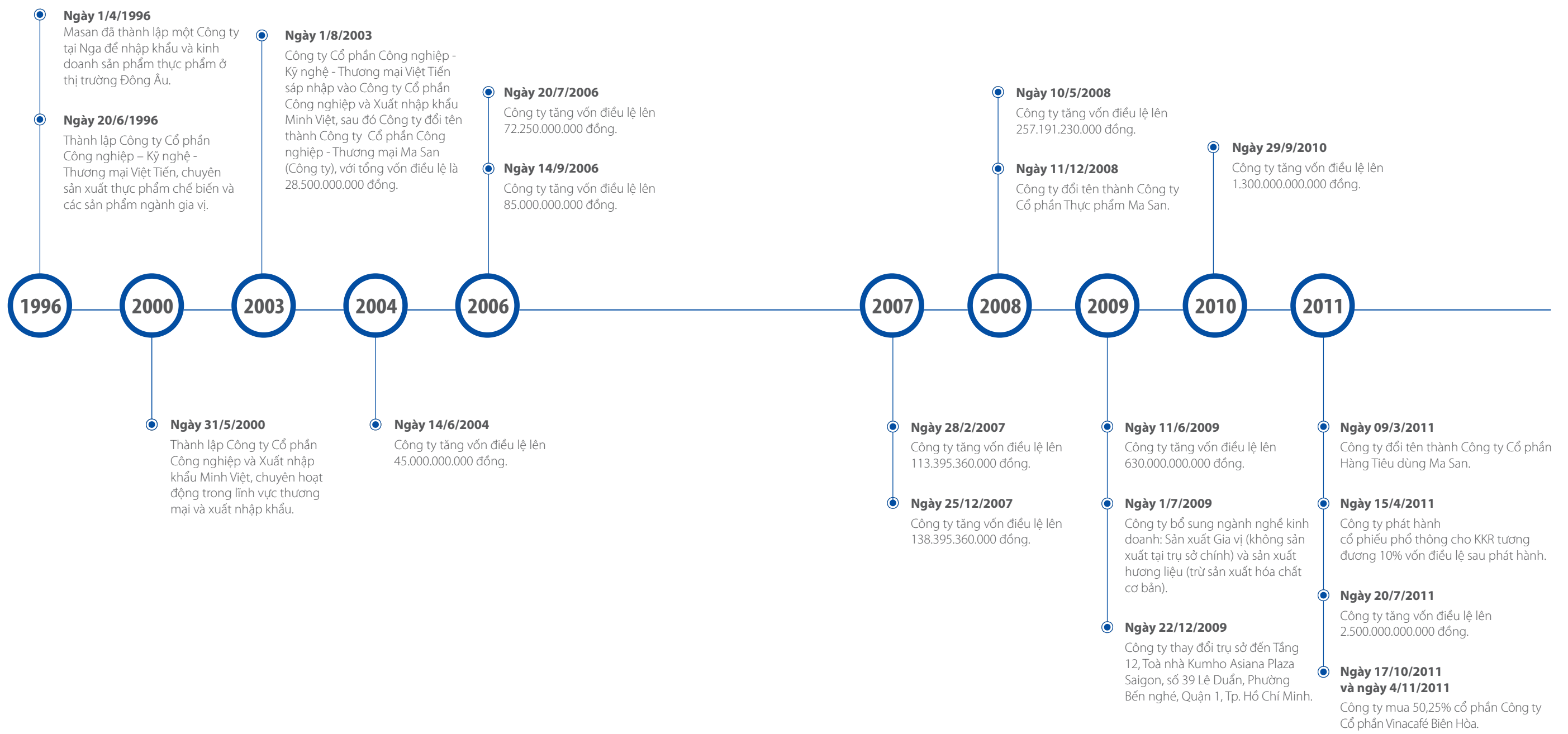
Người duyệt: 

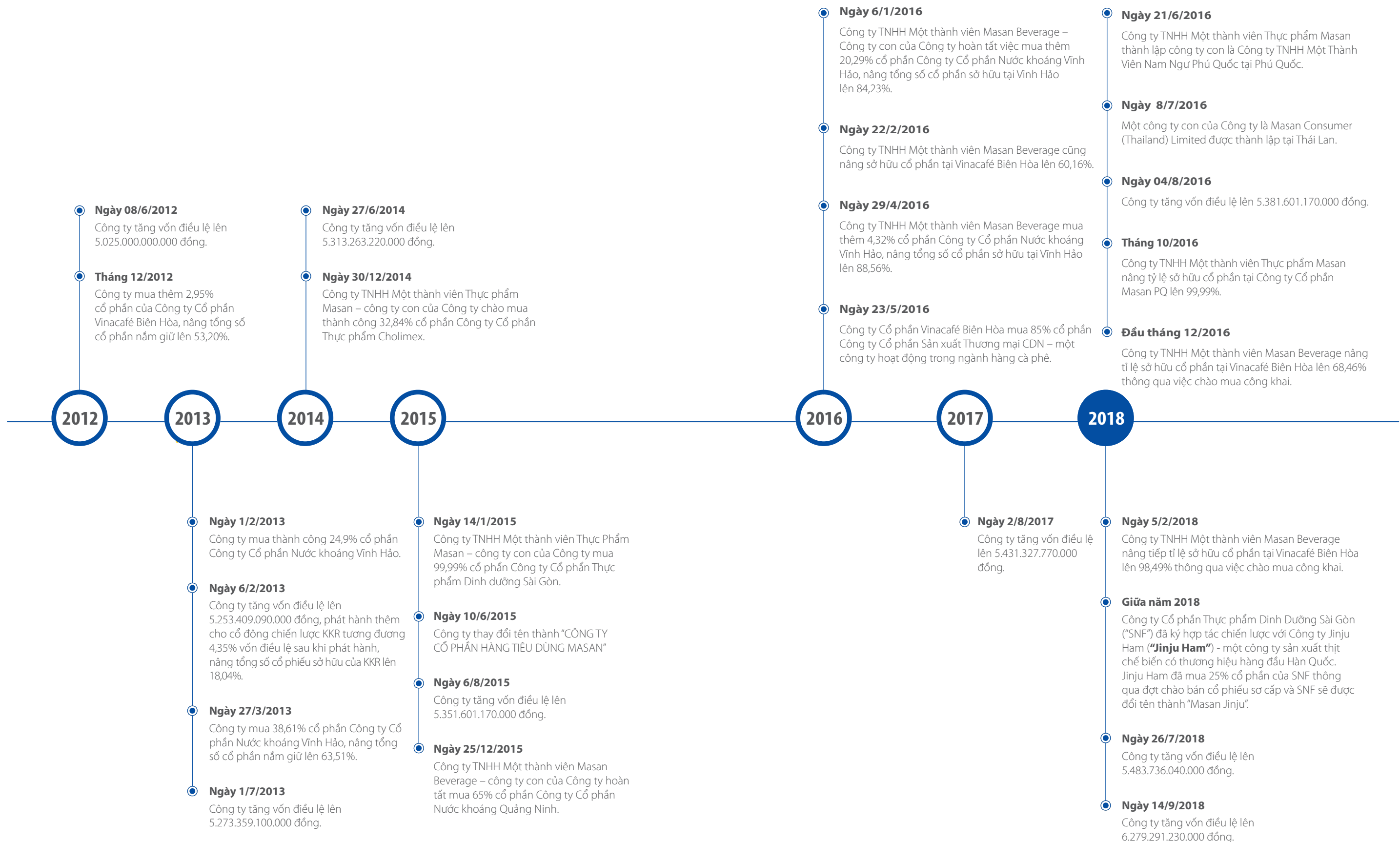

Huỳnh Việt Thăng
Quyền Giám đốc Tài chính



Trương Công Thắng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

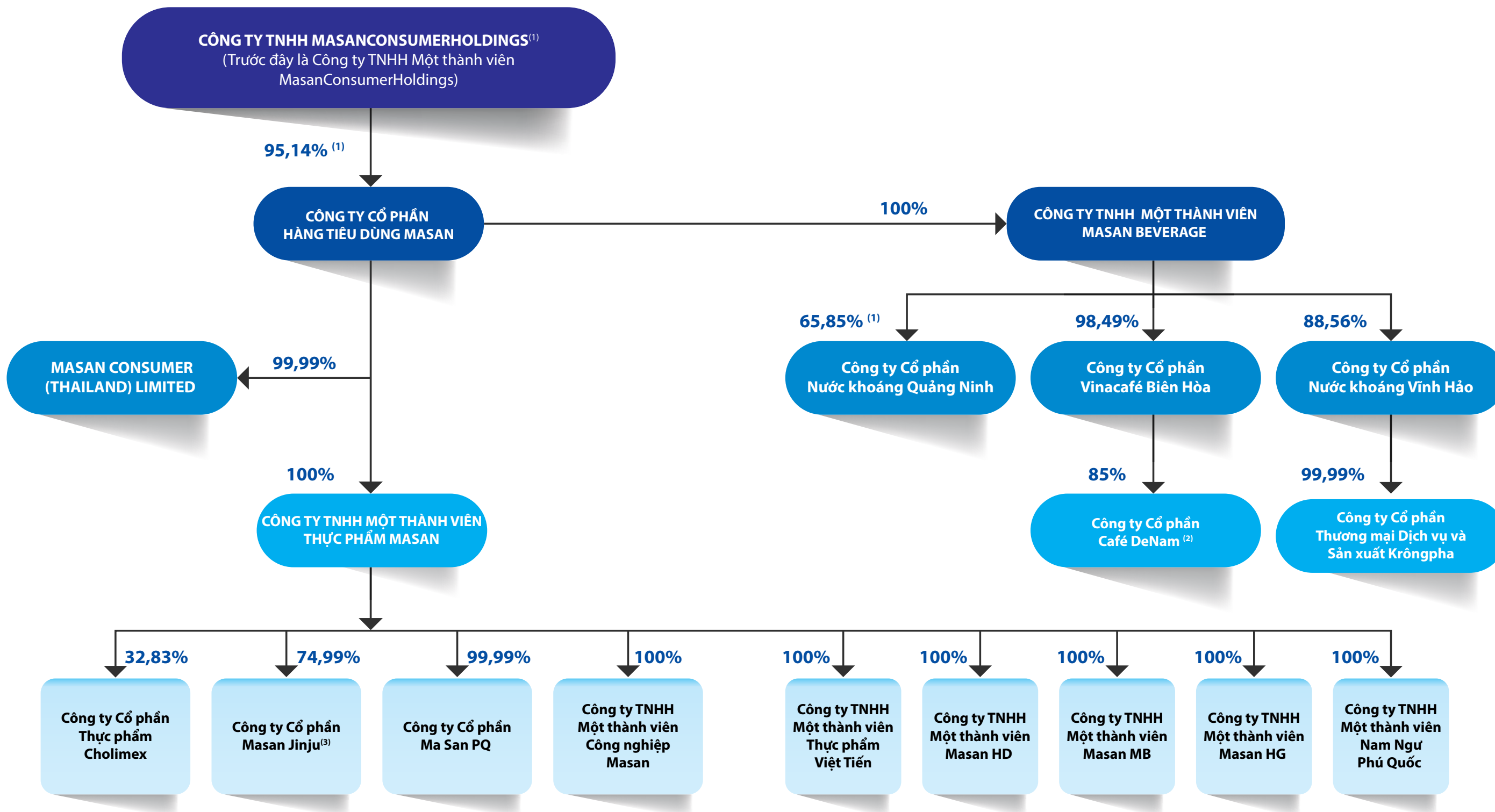






CẤU TRÚC CÔNG TY

Vào ngày 31/12/2018, nếu khác ngày này thì sẽ được cung cấp thêm thông tin. Tên pháp lý đầy đủ sẽ được cung cấp tại Báo cáo tài chính kiểm toán.



1. Dựa trên số cổ phần đang lưu hành tại ngày 31/12/2018.

2. Trước đây là Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN.

3. Trước đây là Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn

BAN ĐIỀU HÀNH



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên: **Nguyễn Hoàng Yến**
Giới tính: Nữ
Năm sinh: 1963
Trình độ chuyên môn: Đại học

Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên: **Nguyễn Thiếu Quang**
Giới tính: Nam
Năm sinh: 1959
Trình độ chuyên môn: Đại học

Thành viên Hội đồng Quản trị (từ ngày 24/4/2018)

Họ và tên: **Danny Le**
Giới tính: Nam
Năm sinh: 1984
Trình độ chuyên môn: Đại học

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Họ và tên: **Trương Công Thắng**
Giới tính: Nam
Năm sinh: 1973
Trình độ chuyên môn: Đại học

Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên: **Nguyễn Đăng Quang**
Giới tính: Nam
Năm sinh: 1963
Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ

Thành viên Hội đồng Quản trị (đến ngày 12/4/2018)

Họ và tên: **Hồ Hùng Anh**
Giới tính: Nam
Năm sinh: 1970
Trình độ chuyên môn: Đại học

Thành viên Hội đồng Quản trị (đến ngày 27/2/2018)

Họ và tên: **Seokhee Won**
Giới tính: Nam
Năm sinh: 1969
Trình độ chuyên môn: Đại học



BAN KIỂM SOÁT

Kiểm soát viên

Họ và tên: **Đỗ Thị Hoàng Yến**
Giới tính: Nữ
Năm sinh: 1983
Trình độ chuyên môn: Đại học

Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên: **Nguyễn Quỳnh Lâm**
Giới tính: Nam
Năm sinh: 1965
Trình độ chuyên môn: Đại học

Kiểm soát viên

Họ và tên: **Đoàn Thị Mỹ Duyên**
Giới tính: Nữ
Năm sinh: 1985
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ



BAN GIÁM ĐỐC

Ông **Seokhee Won**
Tổng Giám đốc (đến ngày 27/2/2018)

Ông **Trương Công Thắng**
Tổng Giám đốc (từ ngày 28/2/2018)

Bà **Nguyễn Hoàng Yến**
Phó Tổng Giám đốc

Ông **Phạm Hồng Sơn**
Phó Tổng Giám đốc

Ông **Phạm Đình Toại**
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 20/3/2019)

Ông **Nguyễn Anh Nguyên**
Phó Tổng Giám đốc

Bà **Đinh Kim Nhung**
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 25/2/2019)

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Tên thành viên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%) ⁽¹⁾
Trương Công Thắng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	-	-
Nguyễn Đăng Quang	Thành viên Hội đồng Quản trị	26.450	0,004%
Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên Hội đồng Quản trị	619.996	0,10%
Nguyễn Thiếu Quang	Thành viên Hội đồng Quản trị	126.762	0,02%
Danny Le	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-

(1) Dựa trên tổng số cổ phần đang lưu hành tại ngày 31/12/2018

Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị được bầu bởi cổ đông của Công ty để giám sát các hoạt động của Công ty. Thành viên của Hội đồng Quản trị họp thường xuyên để thảo luận các quyết định chiến lược được đề xuất bởi Ban Điều hành. Hội đồng Quản trị có tối thiểu 5 thành viên và tối đa là 11 thành viên. Năm 2018, Hội đồng Quản trị có 5 thành viên.

Hội đồng Quản trị có thể họp thường kỳ hoặc bất thường tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác. Cuộc họp thường kỳ được tổ chức mỗi Quý một lần.

Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có 1 phiếu biểu quyết.

Không có giao dịch giữa Công ty và các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm 2018.

Trong năm 2018, Hội đồng Quản trị hoạt động không có thù lao.

Đánh giá về hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành

Tổng Giám đốc và Ban Điều hành có nhiệm vụ thực thi chiến lược của Công ty và quản lý hoạt động kinh doanh hàng ngày. Tổng Giám đốc là người đứng đầu Ban Điều hành của Công ty.

Trong năm 2018, Hội đồng Quản trị đã thực hiện:

- » Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các Cán bộ Quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- » Phối hợp chặt chẽ với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành để đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các yêu cầu kinh doanh cho Công ty;
- » Quyết định việc cơ cấu lại mô hình kinh doanh và cơ cấu tổ chức của các công ty, mang lại hiệu quả trong công tác quản lý;
- » Quyết định các phương án và dự án đầu tư của Công ty và các công ty con.

BAN KIỂM SOÁT

Tên thành viên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
Nguyễn Quỳnh Lâm	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-
Đoàn Thị Mỹ Duyên	Kiểm soát viên	-	-
Đỗ Thị Hoàng Yến	Kiểm soát viên	-	-

Hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên

Ban Kiểm soát của Công ty có từ 3 đến 5 thành viên. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Năm 2018, Ban Kiểm soát có 3 thành viên.

Thành viên Ban Kiểm soát phải từ 21 tuổi trở lên, không phải là vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác.

Ban Kiểm soát giám sát và đảm bảo các hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành tuân thủ các quy định của Điều lệ Công ty. Cụ thể, Ban Kiểm soát tham gia vào các buổi họp thường kỳ và bất thường của Hội đồng Quản trị và cổ đông của Công ty.

Năm 2018, Ban Kiểm soát hoạt động không có thù lao.

Không có giao dịch giữa Công ty và các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm 2018.

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2018

Trong năm 2018, Ban Kiểm soát đã thực hiện:

- » Đảm bảo các chức năng trong việc giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc tuân thủ theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật; Xem xét tính phù hợp của các quyết định của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.
- » Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2018; Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- » Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các nội quy, quy định, quy chế, quy trình và các văn bản khác của Công ty.
- » Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- » Xem xét báo cáo của kiểm toán viên độc lập và các báo cáo về các hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty trước khi Hội đồng Quản trị chấp thuận; Tham khảo ý kiến về việc chỉ định Công ty Kiểm toán độc lập; Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu. Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG và bảo đảm rằng các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các phương diện trọng yếu tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam cũng như các nguyên tắc khác theo quy định của pháp luật.
- » Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính sáu tháng và cả năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị; Thẩm định các Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông;
- » Trong năm 2018, Ban Kiểm soát đã họp hai lần để thảo luận các vấn đề thuộc thẩm quyền.

TỔNG SỐ CỔ PHẦN TẠI NGÀY 31/12/2018

627.929.123

CỔ PHẦN

TỔNG SỐ CỔ PHẦN ĐANG LƯU HÀNH TẠI NGÀY 31/12/2018

609.929.123

CỔ PHẦN

TỔNG SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU QUỸ TẠI NGÀY 31/12/2018

18.000.000

CỔ PHẦN

CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC

Cơ cấu cổ đông trong nước: 98,83%⁽¹⁾

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn

Tên cổ đông	Địa chỉ thường trú/ trụ sở chính	Nghề nghiệp/ Ngành nghề hoạt động	Số cổ phiếu	Tỷ lệ % ⁽²⁾
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM	Đầu tư	580.286.474	95,14%

CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI

Cơ cấu cổ đông nước ngoài: 1,17%⁽¹⁾

Không có cổ đông lớn nước ngoài

(1) Dựa trên danh sách cổ đông chốt gần nhất ngày 25/3/2019 và tổng số cổ phần đang lưu hành tại ngày 31/12/2018.

(2) Dựa trên tổng số cổ phần đang lưu hành tại ngày 31/12/2018.

ĐỊNH NGHĨA THUẬT NGỮ/ TỪ VIẾT TẮT

CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
Cholimex	: Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex
CP	: Cổ phần
ESOP	: Chương trình Sở hữu cổ phần cho nhân viên
GDP	: Tổng sản phẩm quốc nội
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
HORECA	: Điểm bán hàng tại khách sạn, nhà hàng và căn tin
HR	: Bộ phận nhân sự
In-land ASEAN	: Bao gồm Việt Nam, Thái Lan, Myanmar, Campuchia và Lào
IT	: Công nghệ thông tin
Key account hay KA	: Khách hàng lớn
M&A	: Mua bán và sáp nhập doanh nghiệp
Marketing	: Tiếp thị
Masan hay Công ty	: Thuật ngữ chung nói về Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan, bao gồm Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Masan Consumer hay MSC	: Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San
Masan Consumer Holdings	: Công ty TNHH MasanConsumerHoldings
MNC	: Công ty đa quốc gia
MTV	: Một thành viên

Nước khoáng Quảng Ninh	: Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
R&D	: Nghiên cứu và phát triển sản phẩm
Singha	: Singha Asia One Pte Ltd.
SG&A	: Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp
CAGR	: Tăng trưởng kép
Tập đoàn hay Công ty	: Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
TGD	: Tổng Giám đốc
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
Tp.	: Thành phố
TP.HCM	: Thành phố Hồ Chí Minh
USD	: Đô la Mỹ
Vinacafé Biên Hòa	: Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa
Vinacafé	: Thương hiệu cà phê của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa
Vĩnh Hảo	: Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Masan Jinju	: Liên doanh giữa Công ty SNF và Công ty Jinju Ham (Hàn Quốc)
VAS	: Tiêu chuẩn kế toán Việt Nam
LĐTBXH	: Lao Động Thương Binh Xã Hội
VNĐ	: Đồng Việt Nam

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG BÁO CÁO

Tất cả các nhận định hoặc phát biểu trong quyển báo cáo này không phải là những dữ liệu ghi lại các sự kiện đã xảy ra, mà trong đó có bao hàm những “nhận định về tương lai”. Những nhận định này có thể có những từ ngữ như “dự đoán”, “tin tưởng”, “có thể”, “ước tính”, “dự kiến”, “dự phóng”, “kỳ vọng”, “dự định”, “kế hoạch”, “nhắm đến”, “sẽ” hoặc những từ ngữ tương tự. Tuy nhiên, đây không phải là những dấu hiệu duy nhất để xác định và nhận biết chúng. Toàn bộ các bài viết dự đoán về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh, kế hoạch và triển vọng đều được xem là những nhận định về tương lai. Ngoài ra, chúng còn bao gồm cả những bài viết về chiến lược kinh doanh, triển vọng doanh thu và lợi nhuận (bao gồm, nhưng không giới hạn những dự phóng hoặc dự báo về tài chính hoặc hoạt động kinh doanh), dự án đã lên kế hoạch và các vấn đề khác trong tài liệu này mà không phải là những dữ kiện đã xảy ra. Những nhận định về tương lai và dự báo được trình bày trong báo cáo cũng tùy thuộc vào những rủi ro xác định và không xác định, những bất trắc nhất định và các yếu tố khác vốn có thể khiến kết quả tài chính, hiệu quả kinh doanh hoặc thành tích thực tế hoàn toàn khác biệt so với những nhận định về tương lai hoặc dự báo đó.

Những nhận định về tương lai này dựa trên niềm tin và giả định được chúng tôi xây dựng từ những thông tin có sẵn. Triển vọng của Masan Consumer chủ yếu dựa trên diễn giải của chúng tôi về các yếu tố kinh tế quan trọng có ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam, đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh và các doanh nghiệp của chúng tôi. Mặc dù chúng tôi tin rằng các giả định nền tảng của những nhận định về tương lai là hợp lý trong thời điểm hiện tại, nhưng bất kỳ giả định nào cũng đều có thể sai lệch trong thực tế khiến cho những nhận định về tương lai dựa trên giả định đó trở nên thiếu chính xác. Kết quả thực tế có thể sai biệt đáng kể so với những thông tin trong nhận định về tương lai do nhiều yếu tố, đa phần nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi. Do đó, các nhà đầu tư cần lưu ý không phụ thuộc quá nhiều vào những nhận định về tương lai được trình bày trong báo cáo này. Chúng chỉ có hiệu lực vào ngày lập báo cáo hoặc ngày tương ứng được nêu trong báo cáo, và Masan Consumer không có nghĩa vụ cập nhật hoặc sửa đổi công khai đối với bất kỳ nhận định nào, cho dù có xuất hiện những thông tin mới hoặc những sự kiện tương lai.

LIÊN HỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

Tên tiếng Anh	MASAN CONSUMER CORPORATION
Tên viết tắt	MSC hoặc MASAN CONSUMER CORP.
Trụ sở chính	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	+84 902 662 660
Fax	+84 28 3810 9463
Website	www.masanconsumer.com
Mã số thuế	0302017440
Vốn điều lệ	6.279.291.230.000 VND (Sáu ngàn hai trăm bảy mươi chín tỷ, hai trăm chín mươi mốt triệu, hai trăm ba mươi ngàn đồng).



CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

📍 Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon,
39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

☎ +84 902 662 660

📠 +84 28 3810 9463

🌐 www.masanconsumer.com